

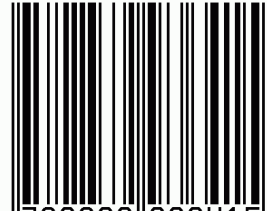
Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng

Hướng dẫn Giám sát Luật Nhân quyền Quốc tế



Biên soạn bởi Abigail Koshimo Brown

Biên tập bởi Daisuke Shirane và Patrick Mutzenberg



Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng - Hướng dẫn Giám sát Luật Nhân quyền Quốc tế

© Trung tâm Quyền Dân sự và Chính trị (Trung tâm CCPR), tháng 2 năm 2022

Nội dung của ấn phẩm này có thể được sao chép và phân phối nhằm các mục đích phi thương mại với điều kiện Trung tâm CCPR được trích dẫn là nguồn một cách rõ ràng.

Rue de Varembé 1,
PO Box 183, CH-1211
Geneva, Switzerland
ĐT: +41 (0) 22 33 22 555
Email: info@ccprcentre.org
Website: www.ccprcentre.org

Biên soạn bởi Abigail Koshimo Brown (Cán bộ Nhân quyền Châu Á Thái Bình Dương, Trung tâm CCPR)

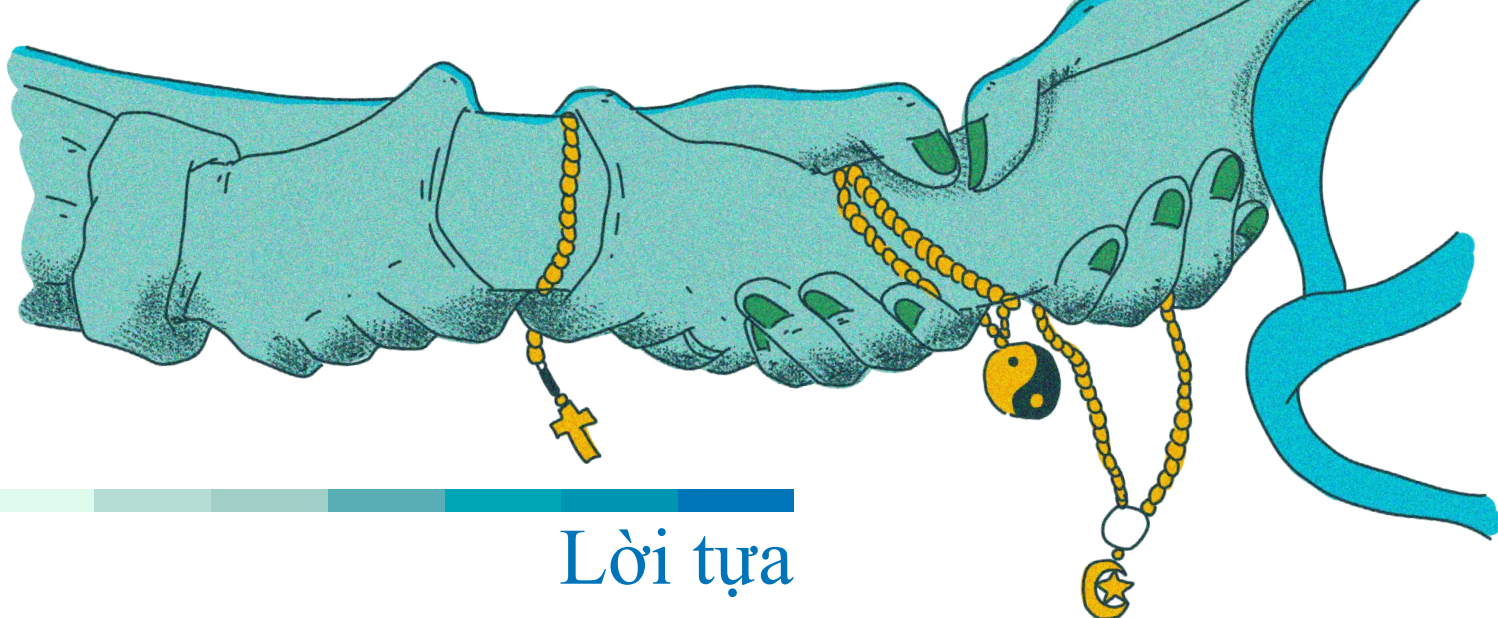
Biên tập bởi
Daisuke Shirane
(Điều phối viên khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Trung tâm CCPR)
Patrick Mutzenberg
(Giám đốc, Trung tâm CCPR)

NỘI DUNG

<i>Các chữ viết tắt</i>	ii
<i>Lời nói đầu</i>	iii
Giới thiệu	1
CHƯƠNG 1: ĐIỀU 18 ICCPR	2
<i>“Các vấn đề phổ biến 1: Bảo lưu đối với Điều 18 ICCPR”</i>	4
1.1 Tự do tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng	5
<i>“Các vấn đề phổ biến 2: Phản đối vì lý do lương tâm”</i>	6
1.2 Tự do không phải chịu ép buộc có thể gây tổn hại đến quyền tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng	7
1.3 Tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng của mình	9
1.4 Những hạn chế đối với quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng	10
<i>“Các vấn đề phổ biến 3: Căn cứ của các hạn chế được cho phép”</i>	11
<i>“Các vấn đề phổ biến 4: Tính tương xứng và cần thiết của các hạn chế”</i>	12
1.5 Tự do của bậc cha mẹ để đảm bảo việc giáo dục về tôn giáo và đạo đức cho con cái của họ	13
1.6 Nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo vệ quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng	15
<i>“Các vấn đề phổ biến 5: Phân biệt đối xử vì lý do tôn giáo”</i>	16
<i>“Các vấn đề phổ biến 6: Các quy định pháp luật cấm báng bổ tôn giáo”</i>	17
CHƯƠNG 2: CÁC NHÓM DỄ BỊ TÔN THƯƠNG	19
2.1 Các nhóm sắc tộc, tôn giáo hoặc ngôn ngữ thiểu số	20
<i>“Các vấn đề phổ biến 7: Các cuộc tấn công và trả thù đối với các nhóm tôn giáo thiểu số và các nhà lãnh đạo của họ”</i>	21
2.2 Phụ nữ	22
2.3 Trẻ em	23
<i>“Các vấn đề phổ biến 8: Các thực hành gây tổn hại”</i>	24
2.4 Người tị nạn, người xin tị nạn và người bị mất nơi cư trú (IDPs)	26
2.5 Người lao động nhập cư	27
2.6 Người bản địa	28
<i>Nguồn và tài liệu tham khảo</i>	29
<i>Phụ lục: danh sách các bảo lưu đối với điều 18 ICCPR</i>	31

Các chữ viết tắt

CAT	Công ước chống Tra tấn và Các Hình thức Đối xử hoặc Trừng phạt Tàn ác, Vô nhân đạo hoặc Hạ thấp Nhân phẩm
CAT (Ủy ban)	Ủy ban về Chống Tra tấn (cơ quan của Liên hợp quốc phụ trách giám sát việc thực hiện CAT)
CED	Ủy ban về Mất tích Cường bức (cơ quan của Liên hợp quốc phụ trách giám sát việc thực hiện CPED)
CEDAW	Công ước về Xóa bỏ Mọi Hình thức Phân biệt đối xử với Phụ nữ
CEDAW (Ủy ban)	Ủy ban Xóa bỏ Phân biệt đối xử với Phụ nữ (cơ quan của Liên hợp quốc phụ trách giám sát việc thực hiện CEDAW)
CERD	Ủy ban về Xóa bỏ Phân biệt chủng tộc (cơ quan của Liên hợp quốc phụ trách giám sát việc thực hiện ICERD)
CESCR	Ủy ban về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (cơ quan của Liên hợp quốc phụ trách giám sát việc thực hiện ICESCR)
CMW	Ủy ban về Bảo vệ Quyền của Tất cả Người lao động Di cư và Các thành viên Gia đình Họ (Cơ quan Liên hợp quốc phụ trách giám sát việc thực hiện ICRMW)
CPED	Công ước Quốc tế về Bảo vệ Tất cả Mọi Người Không Bị Mất tích Cường bức
CRC	Công ước về Quyền Trẻ em
CRC (Ủy ban)	Ủy ban về Quyền trẻ em (cơ quan của Liên hợp quốc phụ trách giám sát việc thực hiện CRC)
CRPD	Công ước về Quyền của Người Khuyết tật
CRPD (Ủy ban)	Ủy ban về Quyền của Người Khuyết tật (cơ quan của Liên hợp quốc phụ trách giám sát việc thực hiện CRPD)
CSO	Tổ chức Xã hội Dân sự
ECOSOC	Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc
ESCR	Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa
HRCttee	Ủy ban Nhân quyền (cơ quan của Liên hợp quốc phụ trách giám sát việc thực hiện ICCPR)
HRC	Hội đồng Nhân quyền
HRD	Người Bảo vệ Nhân quyền
ICCPR	Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị
ICERD	Công ước Quốc tế về Xóa bỏ Mọi hình thức Phân biệt chủng tộc
ICESCR	Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa
ICMW	Công ước Quốc tế về Bảo vệ Quyền của Tất cả Người lao động Di cư và Các thành viên Gia đình Họ (được gọi là ‘Công ước Người lao động di cư’)
IDP	Những người Bị mất nơi Cư trú
NGO	Tổ chức Phi chính phủ
NHRI	Thiết chế Nhân quyền Quốc gia
OHCHR	Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên hợp quốc
OSCE	Tổ chức An ninh và Hợp tác ở Châu Âu
UDHR	Tuyên ngôn Phổ quát về Quyền Con người
UN	Liên hợp quốc
UNDRIP	Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền của Người Bản địa
UNHCR	Cao ủy Liên hợp quốc về Người tị nạn



Lời tựa

Quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng là một trong những quyền cơ bản của con người được bảo vệ bởi luật nhân quyền quốc tế, Điều 18 và các điều khoản khác của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR). Tuy nhiên, việc bảo vệ quyền con người đồng thời vẫn là một trong những thách thức về nhân quyền phổ biến và dai dẳng nhất trên toàn cầu, vì nhiều lý do phức tạp thuộc bản chất chính trị, văn hóa, tôn giáo và xã hội.

Thông thường tôn giáo hoặc tín ngưỡng liên quan đến các giá trị cốt lõi của một cá nhân, một nhóm xã hội hoặc thậm chí một quốc gia. Và như vậy, nó có thể là một nhân tố củng cố nền hòa bình và sự hòa thuận ở các mức độ khác nhau và góp phần bảo vệ các quyền con người. Mặt khác, nó cũng có thể là nguyên nhân gây ra tình trạng căng thẳng giữa các cá nhân, tình trạng phân biệt đối xử hoặc xung đột ở quy mô lớn hơn, và cũng có trường hợp, được sử dụng như một công cụ để biện minh cho việc hạn chế hoặc vi phạm nhân quyền, đặc biệt là của những cá nhân thuộc nhóm dễ bị tổn thương hơn trong xã hội.

Điều 18 ICCPR bảo vệ quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng của tất cả mọi người (do đó đây không phải là quyền của một nhóm hay của xã hội, hay bản thân tôn giáo). Hầu hết các thách thức về quyền con người liên quan đến tôn giáo mà chúng ta đã thấy thông qua hoạt động của Ủy ban Nhân quyền, cơ quan giám sát của ICCPR, phát sinh từ việc bảo vệ không đúng cách, bao gồm cả việc giải thích sai và áp dụng sai quyền này, có thể là về phạm vi của quyền hay các giới hạn được cho phép.

Về phương diện này, hướng dẫn này là một công cụ khá hữu ích và thiết thực cho tất cả các bên liên quan, đặc biệt là những người giải quyết vấn đề ở cấp cơ sở và cấp quốc gia, bao gồm cả chính quyền địa phương và quốc gia cũng như những người bảo vệ nhân quyền. Nó có thể được sử dụng như một công cụ để giám sát việc thực hiện luật nhân quyền quốc tế liên quan, đặc biệt là Điều 18 ICCPR, để xây dựng luật pháp và chính sách quốc gia, hoặc sử dụng trong các hoạt động đào tạo và nâng cao nhận thức. Các vấn đề phổ biến được nêu bật trong hướng dẫn, cùng với các câu hỏi hướng dẫn cho việc giám sát, đặc biệt hữu ích để xác định và đánh giá tình hình thực tế từ quan điểm của các tiêu chuẩn quốc tế và từ đó nêu lên các vấn đề đang diễn ra với các cơ quan nhân quyền quốc tế.

Yadh BEN ACHOUR

Thành viên của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc

GIỚI THIỆU

Ấn phẩm này do Trung tâm Quyền Dân sự và Chính trị ('Trung tâm CCPR') biên soạn với mục đích cung cấp thông tin và hướng dẫn thiết thực để giám sát việc thực hiện luật nhân quyền quốc tế, đặc biệt là Điều 18 của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị ('ICCPR'). Ấn phẩm đóng vai trò là một công cụ hữu ích cho tất cả các bên đang hoạt động bảo vệ quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng, đặc biệt là các tổ chức xã hội dân sự (CSOs) và Những người Bảo vệ Nhân quyền (HRDs).

Ấn phẩm cung cấp một cái nhìn tổng quan và những giải thích dễ hiểu về Điều 18 ICCPR, trình bày chi tiết các khía cạnh của quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng được bảo vệ bởi Điều 18 (Chương 1). Công cụ này cũng phân tích quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng theo quan điểm của 'các nhóm dễ bị tổn thương', những người có nguy cơ bị xâm phạm quyền tự do cao hơn do các yếu tố liên tầng và các bản sắc giao thoa, chẳng hạn như nguồn gốc sắc tộc hoặc dân tộc, tuổi tác, giới tính, quốc tịch hoặc tư cách di cư (Chương 2). Xuyên suốt công cụ này có các hộp văn bản phân tích các vấn đề phổ biến liên quan đến tôn giáo ảnh hưởng đến các quyền được bảo vệ bởi Điều 18 ICCPR và các quy định khác của luật nhân quyền quốc tế.

Để hỗ trợ việc giám sát và báo cáo của các bên liên quan trong nước, một số Câu hỏi Hướng dẫn được bao gồm trong Chương 1. Những Câu hỏi Hướng dẫn này được thiết kế để hỗ trợ việc xác định các hành vi vi phạm Điều 18 ICCPR và xác định thông tin nào cần được thu thập và báo cáo cho Ủy ban Nhân quyền ('HRCttee') và các cơ quan quốc tế khác. Ấn bản cũng cung cấp các ví dụ về vi phạm quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng và các vấn đề liên quan có thể báo cáo tới các Ủy ban Công ước và được các Ủy ban Công ước giải quyết.

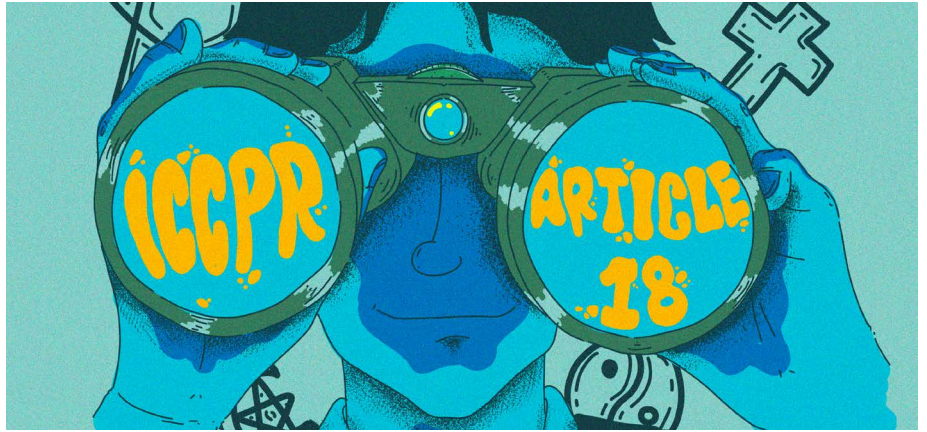
Ấn phẩm này được soạn thảo dựa trên việc nghiên cứu và phân tích hơn 147 Nhận xét Kết luận và 123 Danh sách Vấn đề của các Ủy ban Công ước Liên hợp quốc đã gửi cho các Quốc gia thành viên, chủ yếu ở Châu Á và Thái Bình Dương kể từ năm 2010. Với tư cách là cơ quan giám sát việc thực hiện ICCPR, hầu hết các tài liệu được phân tích cho ấn phẩm này là tài liệu của HRCttee. Tuy nhiên, như được giải thích trong Hướng dẫn này, các vấn đề liên quan đến tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng thường có các khía cạnh liên tầng và như vậy có thể báo cáo tới các Ủy ban Công ước khác nhau và trên thực tế đã được giải quyết bởi các Ủy ban Công ước khác nhau, bao gồm CEDAW, CRC và CERD. Với mục đích và phạm vi đã nêu, ấn phẩm này không có ý định cung cấp một đánh giá chuyên sâu về Điều 18 hoặc bao hàm tất cả những khía cạnh phức tạp của việc bảo vệ quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng. Đối với những độc giả muốn tìm hiểu thêm hoặc hiểu rõ hơn về luật pháp, có thể tham khảo các nguồn và tài liệu được nêu trong ấn phẩm này.



Chương 1

Điều 18 ICCPR





Điều 18 ICCPR quy định:

- Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo. Quyền này bao gồm tự do tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, và tự do bày tỏ tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong cộng đồng với những người khác, công khai hoặc kín đáo, dưới các hình thức như thờ phụng, cầu nguyện, thực hành và truyền giảng.
- Không ai bị ép buộc làm những điều tổn hại đến quyền tự do tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ.
- Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật và khi sự hạn chế đó là cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng hoặc đạo đức xã hội, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác.
- Các quốc gia thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do của các bậc cha mẹ, và của những người giám hộ hợp pháp nếu có, trong việc giáo dục về tôn giáo và đạo đức cho con cái họ theo ý nguyện của riêng họ.

Điều 18 ICCPR bảo vệ tự do có, không có, hoặc thay đổi tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng của mọi cá nhân. Quyền tự do được Điều 18 ICCPR bảo vệ bao hàm tất cả các vấn đề về tư tưởng và tín ngưỡng hữu thần, phi thần và vô thần - bao gồm cả quyền không tuyên xưng bất kỳ tôn giáo hoặc tín ngưỡng nào. Không ai bị ép buộc phải tiết lộ tư tưởng của mình hoặc việc họ theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng nào.

Phần sau của Chương này sẽ giải thích chi tiết hơn các thành tố khác nhau của quyền tự do được bảo vệ bởi Điều 18 ICCPR. Dù Điều 18 là điều khoản chính liên quan đến tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng, các điều khoản khác trong ICCPR bổ sung các thành tố quan trọng để bảo vệ quyền tự do này. Một trong những thành tố như vậy được Điều 4 (2) ICCPR quy định, trong đó liệt kê Điều 18 là một trong những quyền tuyệt đối của Công ước. Điều này có nghĩa là mặc dù các quốc gia thành viên có thể áp dụng những biện pháp hạn chế các quyền được nêu trong ICCPR vào thời điểm diễn ra tình trạng khẩn cấp quốc gia, nhưng không được phép hạn chế các quyền trong Điều 18 trong bất kỳ trường hợp nào.

Hơn nữa, Điều 18 không cho phép hạn chế quyền tự do tư tưởng và lương tâm, hoặc quyền tự do có một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, trong khi quyền tự do bày tỏ một tôn giáo hoặc tín ngưỡng có thể bị hạn chế trong một số trường hợp nhất định như được quy định trong Điều 18 (3) ICCPR và Điều 20.



Các vấn đề phổ biến 1: Bảo lưu đối với Điều 18 ICCPR

Các bảo lưu được thực hiện bởi một số Quốc gia thành viên đối với Điều 18, phần lớn các quốc gia tìm cách hạn chế khả năng áp dụng Điều 18 chỉ trong phạm vi nó không ảnh hưởng đến các quy định của Hiến pháp và/hoặc luật Sharia của Hồi giáo.¹ Nói chung, HRCtee luôn khuyến khích tất cả các quốc gia thành viên đã bảo lưu bất kỳ điều khoản nào của ICCPR thu hồi bảo lưu. Liên quan đến các bảo lưu đối với Điều 18 ICCPR, mọi bảo lưu đều bị các quốc gia thành viên khác phản đối, trong đó có một trường hợp thu hồi bảo lưu (Pakistan) và một trường hợp khác do Tổng thư ký Liên hợp quốc bác bỏ bảo lưu. (Bahrain)²

Ví dụ, liên quan đến việc bảo lưu Điều 18 của Mauritania, HRCtee đã nói rõ rằng bảo lưu “không phù hợp với mục tiêu và mục đích của Công ước” và Quốc gia thành viên phải “đảm bảo rằng việc tham chiếu đến Hồi giáo không cản trở việc áp dụng đầy đủ Công ước trong trật tự pháp lý của quốc gia và không được giải thích hoặc áp dụng theo cách cản trở việc thụ hưởng các quyền được quy định trong Công ước”³

CÂU HỎI HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT

- Liệu có bất kỳ luật, chính sách, phong tục hoặc thực hành nào trong xã hội hạn chế quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng của bạn không?
- Liệu có quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng của cá nhân hoặc nhóm người nào trong xã hội được bảo vệ hoặc bị hạn chế theo một cách khác biệt so với quyền tự do của những cá nhân hoặc nhóm người khác không?
- Liệu Nhà nước hay Chính phủ có thực hiện bất kỳ biện pháp nào hạn chế Điều 18 ICCPR không?

Nếu câu trả lời của bạn là CÓ cho bất kỳ câu hỏi nào ở trên thì nguy cơ là ICCPR đã bị vi phạm. Vui lòng xem xét:

- Luật pháp, chính sách, tập quán hoặc các thực hành nào hạn chế quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng của bạn, và bằng cách nào?
- Ai là những cá nhân hoặc nhóm người có quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng được bảo vệ hoặc bị hạn chế theo một cách khác biệt với những cá nhân hoặc nhóm người khác, và bằng cách nào?
- Liệu Nhà nước hoặc Chính phủ có áp dụng những biện pháp nào nhằm hạn chế Điều 18 ICCPR và dựa trên những căn cứ nào?

¹Xem Phụ lục để xem danh sách đầy đủ các bảo lưu đối với Điều 18 và các phản đối.

²Liên hợp quốc, Chuỗi các Công ước Quyền 999 Chương IV, 14

³HRCtee, Nhận xét Kết luận đối với Mauritania (2019) CCPR/C/MRT/CO/2, đoạn 6 và 7.

1.1 Tự do tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng

Điều 18 (1) bảo vệ tự do tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng của một cá nhân. Quyền tự do này bao gồm quyền lựa chọn hoặc thay đổi một tôn giáo hoặc tín ngưỡng cũng như theo các quan điểm vô thần.⁴ Quyền này là tuyệt đối, nghĩa là không có sự biện minh nào cho bất kỳ hình thức hạn chế nào.⁵ Việc cấm đưa ra các hạn chế được Điều 18 (2) củng cố, trong đó nghiêm cấm một cách rõ ràng việc không ép buộc.

Ví dụ, quyền tự do tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng được coi là bị vi phạm trong các trường hợp sau:

- Các cá nhân buộc phải từ bỏ đức tin của mình vì những lời đe dọa bao gồm cả việc trục xuất⁶
- Việc cải đạo bị nghiêm cấm trong luật pháp hoặc trên thực tiễn thông qua các biện pháp bao gồm việc xét xử tội ‘bội đạo’, bỏ tù, hạn chế đối với hôn nhân liên tôn giáo, hủy hôn và đình chỉ hợp đồng⁷
- Phụ nữ và trẻ em gái bị bắt cóc vì mục đích ép buộc cải đạo và kết hôn⁸
- Những người cải đạo sang các phong trào tôn giáo mới bị bắt cóc và bị giam giữ bởi các thành viên trong gia đình họ nhằm nỗ lực hoàn đạo (de-convert) cho họ⁹

⁴ HRCtee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 5.

⁵ HRCtee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 3.

⁶ Xem ví dụ: HRCtee, Danh sách các vấn đề đối với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (2018) CCPR/C/LAO/Q/1, đoạn 18.

⁷ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Malaysia (2013) CEDAW/C/MYS/CO/3-5, đoạn 53; Xem thêm Đại hội đồng Liên hợp quốc, Báo cáo Dự kiến của Báo cáo viên Đặc biệt về Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2012) A/67/303, đoạn 21-25.

⁸ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Danh sách các vấn đề đối với Pakistan (2019) CEDAW/C/PAK/Q/5, đoạn 21.

⁹ Xem ví dụ: HRCtee, Nhận xét Kết luận về Nhật Bản (2014) CCPR/C/JPN/CO/6, đoạn 21.

CÂU HỎI HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT

- Bạn có được tự do lựa chọn theo tôn giáo nào không?
- Bạn có được tự do thay đổi tôn giáo của mình không?
- Bạn có được chọn không theo bất kỳ tôn giáo nào không?
- Liệu Nhà nước hoặc Chính phủ đã thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ quyền tự do tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do bạn tự chọn hay chưa?

Nếu câu trả lời của bạn là KHÔNG cho bất kỳ câu hỏi nào ở trên thì nguy cơ là ICCPR đã bị vi phạm. Hãy xem xét:

- Bạn phải đối mặt với những rào cản hay hạn chế nào khi lựa chọn hoặc thay đổi tôn giáo hoặc tín ngưỡng, khi theo quan điểm vô thần và/hoặc chọn không theo bất kỳ tôn giáo hoặc tín ngưỡng nào?
- Nhà nước hoặc Chính phủ cần thực hiện những biện pháp nào để bảo vệ quyền tự do tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do bạn chọn?



Các vấn đề phổ biến 2: Phản đối vì lý do lương tâm¹⁰

Cơ sở quy phạm và phạm vi của quyền phản đối vì lý do lương tâm từ lâu đã gây ra nhiều tranh cãi theo luật nhân quyền quốc tế, vì các cơ quan nhân quyền bao gồm HRCttee đã thay đổi quan điểm của họ nghiêng theo hướng cực hữu.

Năm 1985, HRCttee tuyên bố rằng ‘Công ước không quy định quyền phản đối vì lý do lương tâm; Điều 18 và điều 19 cũng không quy định,¹¹ theo quan điểm của Điều 8 “nêu rõ rằng “sự phục vụ mang tính chất quân sự” hoặc “sự phục vụ quốc gia do luật pháp quy định đối với những người từ chối thực hiện nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm” không bị coi là lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc”¹²

Tuy nhiên, HRCttee sau đó đã thông qua một quan điểm mới trong Bình luận chung số 22; nêu rõ rằng quyền phản đối vì lý do lương tâm “có thể bắt nguồn từ Điều 18, vì nghĩa vụ sử dụng vũ lực gây chết người có thể mâu thuẫn nghiêm trọng với tự do lương tâm và quyền bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng của một người”.¹³ Trong vụ Yoon và Choi kiện Hàn Quốc, Ủy ban đã làm rõ rằng Điều 8 “không công nhận cũng không loại trừ quyền phản đối vì lý do lương tâm” và tiến hành đánh giá các tuyên bố theo Điều 18.¹⁴ HRCttee nhận thấy rằng việc từ chối thực hiện nghĩa vụ quân sự bắt buộc của các nguyên đơn là một hình thức bày tỏ niềm tin tôn giáo một cách trực tiếp của họ, và việc kết tội và kết án họ cấu thành nên việc hạn chế khả năng bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ.¹⁵ Kết luận này dựa trên cả hai Điều 18 (1) và (3) - quyền tự do tin hoặc theo cũng như quyền tự do bày tỏ.

HRCttee đã dựa trên những phát hiện gần đây nhất của mình về phản đối vì lý do lương tâm về quyền tự do tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng (Điều 18 (1)). Trong vụ Jeong và những người khác kiện Hàn Quốc, Ủy ban tuyên bố rằng ‘quyền phản đối vì lý do lương tâm đối với nghĩa vụ quân sự được bao hàm sẵn trong quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo. Điều này cho phép bất kỳ cá nhân nào được miễn nghĩa vụ quân sự bắt buộc nếu việc này không thể dung hòa với tôn giáo hoặc tín ngưỡng của cá nhân đó’.¹⁶ Hiệu lực pháp lý của cách giải thích này là quyền (được bao hàm sẵn trong Điều 18 (1)) không thể bị hạn chế, vì có thể coi việc phản đối vì lý do lương tâm là một vấn đề của bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng (Điều 18 (3)).

Quyền phản đối vì lý do lương tâm cho phép bất kỳ cá nhân nào được miễn nghĩa vụ quân sự bắt buộc nếu việc này không thể dung hòa với tôn giáo hoặc tín ngưỡng của cá nhân đó. Tuy nhiên, một Quốc gia có thể buộc một người phản đối thực hiện một nghĩa vụ dân sự thay thế cho nghĩa vụ quân sự, bên ngoài phạm vi quân sự và không nằm trong

¹¹ HRCttee, vụ LTK kiện Phần Lan (1985) mã số 185/1984, đoạn 5.2.

¹² HRCttee, vụ Jarvinen kiện Phần Lan (1990) mã số 295/1988, đoạn 6.1-6.2.

¹³ HRCttee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 11; Xem HRCttee, vụ Westerman kiện Hà Lan (1997) mã số 682/1996.

¹⁴ HRCttee, vụ Yoon và Choi kiện Hàn Quốc (2006) mã số 1321/2004 1322/2004, đoạn 8.2.

¹⁵ HRCttee, vụ Yoon và Choi kiện Hàn Quốc (2006) mã số 1321/2004 1322/2004, đoạn 8.3.

¹⁶ HRCttee, vụ Jeong và những người khác kiện Hàn Quốc (2011) mã số 1642-1741 / 2007, đoạn 7.3; Xem thêm vụ Atasoy và Sarkut kiện Thổ Nhĩ Kỳ (2012) mã số 1853/2008 1854/2008, đoạn 10.4.

sự chỉ huy của quân đội. HRCttee đã giải thích chi tiết về các điều kiện của các lựa chọn dân sự thay thế cho nghĩa vụ quân sự và xem xét liệu:

- Nghĩa vụ dân sự thay thế có bản chất trừng phạt hay thực sự phục vụ cho cộng đồng¹⁸
- Luật đảm bảo rằng các cá nhân có thể có tư cách là người phản đối vì lý do lương tâm và thực hiện nghĩa vụ thay thế mà không bị phân biệt đối xử¹⁹
- Nghĩa vụ thay thế tương thích với những đức tin được viện dẫn để phản đối²⁰
- Thời gian thực hiện nghĩa vụ thay thế “dựa trên các tiêu chí hợp lý và khách quan, chẳng hạn như bản chất của nghĩa vụ cụ thể có liên quan hoặc nhu cầu đào tạo đặc biệt”²¹

¹⁷HRCttee, vụ Jeong và những người khác kiện Hàn Quốc (2011) mã số 1642-1741/2007, đoạn 7.3; Xem thêm vụ Atasoy và Sarkut kiện Thổ Nhĩ Kỳ (2012) mã số 1853/2008 1854/2008, đoạn 10.4; Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Việt Nam (2018) CCPR/C/VNM/Q/3, đoạn. 17; Xem HRCttee, Nhận xét Kết luận về Lithuania (2004) CCPR/C/LTU/CO/80, đoạn 17.

¹⁸ Xem ví dụ HRCttee, vụ Min-kyu Jeong và những người khác kiện Hàn Quốc (2011) mã số 1642-1741/2007, đoạn 7.3; vụ Jong- nam Kim và những người khác kiện Hàn Quốc (2013) mã số 1786/2008, đoạn 7.4.

¹⁹Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2002) CCPR/C/VNM/CO/75, đoạn 17; Danh sách các vấn đề đối với Mông Cổ (2016) CCPR/C/MNG/Q/6, đoạn 19; Danh sách các vấn đề đối với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (2018) CCPR/C/LAO/Q/1, đoạn 18.

²⁰Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Nga (2003) CCPR/C/RUS/CO/79, đoạn 17.

²¹HRCttee, vụ Foin kiện Pháp (1995) mã số 666/1995, đoạn 10.3.

²²HRCttee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 5.

²³ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Indonesia (2013) CCPR/C/IDN/CO/1, đoạn 6; Danh sách các vấn đề đối với Sri Lanka (2014) CCPR/C/LKA/Q/5, đoạn 26; Danh sách các vấn đề đối với Việt Nam (2018) CCPR/C/VNM/Q/3, đoạn 18.

²⁴HRCttee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 5.

1.2 Tự do không phải chịu ép buộc có thể gây tổn hại đến quyền tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng.

Điều 18 (2) cấm ép buộc, bao gồm ép buộc đối với thân thể hoặc theo cách gián tiếp, có thể làm tổn hại đến quyền tin hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng của một cá nhân. Các chính sách hoặc thực hành có ý định hoặc có tác động ép buộc là không phù hợp với Điều 18 (2),²² bao gồm cả những chính sách hạn chế quyền tiếp cận của các nhóm tôn giáo hoặc thiểu số đối với giáo dục, chăm sóc y tế hoặc việc làm.²³ Các chính sách hoặc thực hành có ý định hoặc có tác động hạn chế việc thụ hưởng các quyền được đảm bảo bởi các quy định khác của Công ước cũng không phù hợp với Điều 18 (2).²⁴

Quyền tự do này có thể bị vi phạm trong các trường hợp ví dụ như sau:

- Các hành vi của cá nhân hoặc nhóm cá nhân, chẳng hạn như việc bị các thành viên trong gia đình bắt cóc hoặc giam giữ ép buộc, được thực hiện đối với việc cải đạo sang các phong trào tôn giáo mới, nhằm nỗ lực hoàn đạo (de-convert) cho họ.²⁵
- Đối xử ưu tiên trong tù và nâng cao khả năng được ân xá nhằm nỗ lực thay đổi đức tin của tù nhân²⁶
- Khi một cá nhân không được ở trong trường đại học do cô ấy từ chối tháo khăn trùm đầu trái với nội quy của trường đại học²⁷
- Việc tuân theo hoặc hiểu biết về một tôn giáo nhất định là yêu cầu bắt buộc để được tuyển dụng trong dịch vụ công²⁸



CÂU HỎI HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT

- Bạn có đang bị ép buộc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng nào đó trái với ý muốn của bạn không?
- Bạn có bị buộc phải từ bỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng trái với ý muốn của mình không?
- Bạn có gặp bất lợi hoặc rào cản - chẳng hạn như giáo dục, việc làm, hoặc các dịch vụ công - nếu bạn không theo tôn giáo hoặc tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được đa số xã hội chấp nhận?
- Liệu bạn có được những lợi thế hay lợi ích gì nếu bạn theo tôn giáo hoặc tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được đa số xã hội chấp nhận?

Nếu câu trả lời là CÓ cho bất kỳ Câu hỏi nào ở trên, nguy cơ là ICCPR đã bị vi phạm. Vui lòng xem xét:

- Ai - ví dụ như cán bộ nhà nước hoặc các thành viên gia đình - đang ép buộc bạn theo một tôn giáo nhất định hoặc từ bỏ tôn giáo của bạn, và bằng cách nào?
- Điều gì - chẳng hạn như luật pháp, các thực hành hoặc truyền thống - đang buộc bạn theo một tôn giáo nhất định hoặc từ bỏ tôn giáo của bạn, và bằng cách nào?
- Bạn gặp khó khăn, rào cản gì nếu không theo tôn giáo hoặc tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được đa số xã hội chấp nhận?
- Việc tin hoặc theo tôn giáo hoặc tín ngưỡng được Nhà nước công nhận hoặc được đa số xã hội chấp nhận sẽ có những lợi thế, lợi ích gì?

²⁵ Xem ví dụ: HRCttee, Nhận xét Kết luận về Nhật Bản (2014) CCPR/C/JPN/CO/6, đoạn 21.

²⁶ Xem ví dụ: HRCttee, vụ Kang kiện Hàn Quốc (2003) mã số 878/1999, đoạn 7.2.

²⁷ Xem ví dụ HRCttee, vụ Hudoyberganova kiện Uzbekistan (2005) mã số 931/2000, đoạn 6.2: HRCttee “cho rằng việc ngăn cản một người mặc trang phục tôn giáo ở nơi công cộng hoặc một cách kín đáo có thể cấu thành hành vi vi phạm Điều 18, khoản 2, nghiêm cấm những ép buộc có thể gây tổn hại đến quyền tự do tín hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng của cá nhân. Như được phản ánh trong Bình luận chung số 22 của Ủy ban, các chính sách hoặc thực hành có cùng mục đích hoặc tác động tương đương với việc cưỡng chế trực tiếp, chẳng hạn như những biện pháp hạn chế tiếp cận giáo dục, không phù hợp với Điều 18, khoản 2... Trong các tình huống cụ thể của vụ việc hiện tại, và không làm tổn hại đến quyền của quốc gia thành viên trong việc hạn chế việc bày tỏ tôn giáo và tín ngưỡng theo Điều 18 của Công ước và có xem xét đến các chi tiết cụ thể của bối cảnh, cũng như để không có thành kiến với quyền của các tổ chức hạn lâm áp dụng các quy định liên quan đến hoạt động của chính tổ chức, Ủy ban đi đến kết luận rằng trong trường hợp không có bất kỳ lý do nào được cung cấp bởi quốc gia thành viên thì Điều 18, khoản 2 đã bị vi phạm”.

²⁸ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Indonesia (2013) CCPR/C/IDN/CO/1, đoạn 6.

1.3 Tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng của cá nhân

Điều 18 (1) cũng bảo vệ quyền tự do bày tỏ một tôn giáo hoặc tín ngưỡng trong việc thờ phượng, tuân theo, thực hành và truyền giảng có thể được thực hiện một mình hoặc trong cộng đồng với những người khác cũng như một cách công khai hoặc kín đáo. Việc bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng của một người có thể có nhiều hình thức,²⁹ chẳng hạn như:

- Các hoạt động nghi thức và lễ nghi bày tỏ đức tin một cách trực tiếp
- Xây dựng cơ sở thờ tự
- Sử dụng các nghi lễ và vật dụng nghi thức
- Trưng bày các biểu tượng tôn giáo
- Tuân thủ các ngày lễ và ngày nghỉ
- Tuân theo các quy định về chế độ ăn uống
- Mặc trang phục đặc biệt hoặc khăn đội đầu
- Tham gia vào các nghi thức gắn liền với các giai đoạn nhất định trong cuộc đời
- Sử dụng ngôn ngữ đặc biệt của nhóm tôn giáo
- Các hoạt động không thể thiếu khi tiến hành các hoạt động cốt yếu của các nhóm tôn giáo, bao gồm:
 - Lựa chọn các nhà lãnh đạo tôn giáo, linh mục và người truyền giáo
 - Thành lập các chủng viện hoặc các trường tôn giáo
 - Biên soạn và phổ biến các văn bản và ấn phẩm tôn giáo
 - Đăng ký các tổ chức tôn giáo, từ thiện hoặc nhân đạo cũng như nhận các khoản đóng góp tài chính tự nguyện và các khoản đóng góp khác từ các cá nhân hoặc tổ chức³⁰

²⁹HRCtee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 4; Xem thêm Đại hội đồng Liên hợp quốc, Tuyên bố về Xóa bỏ Mọi hình thức Không khoan dung và Phân biệt đối xử vì lý do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (1981) A/RES/36/55, Điều 6, trong đó có một danh sách không đầy đủ các hình thức bày tỏ tôn giáo được bảo vệ bởi quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo, tín ngưỡng.

³⁰Đại hội đồng Liên hợp quốc, Tuyên bố xóa bỏ Mọi hình thức Không khoan dung và Phân biệt đối xử Dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (1981) A/RES/36/55, Điều 6 (b) và (f); Xem thêm Ủy ban Nhân quyền, Xóa bỏ Mọi hình thức Không khoan dung và Phân biệt đối xử Dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2005) E/CN.4/RES/2005/40, đoạn 4 (c) và 4 (e); Hội đồng Nhân quyền, Xóa bỏ Mọi Hình thức Không khoan dung và Phân biệt đối xử Dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2007) HRC/RES/6/37, đoạn 12 (h); Xem HRCtee, vụ Boodoo kiện Trinidad và Tobago (2002) mã số 721/1996, đoạn 6.6.

³¹Xem ví dụ HRCtee, Nhận xét Kết luận về Sri Lanka (2014) CCPR/C/LKA/CO/5, đoạn 23.

³²Xem ví dụ HRCtee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, đoạn 43-44.

³³ Xem ví dụ HRCtee, Nhận xét Kết luận về Mông Cổ (2011) CCPR/C/MNG/CO/5, đoạn 24.

³⁴Xem ví dụ HRCtee, Nhận xét Kết luận về Indonesia (2013) CCPR/C/IDN/CO/1, đoạn 24; Xem thêm HRCtee, vụ Alymbek Bekmanov kiện Kyrgyzstan (2013) mã số 2312/2013, đoạn 7.4.



Để bảo vệ quyền tự do này, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp để đảm bảo rằng các cá nhân và cộng đồng có thể thực hiện các hoạt động được coi là một hình thức bày tỏ. Các biện pháp đó bao gồm, ví dụ như, bảo vệ các cơ sở thờ tự và ngăn các cuộc tấn công đối với những cơ sở này.³¹

Liên quan đến việc đăng ký các hiệp hội tôn giáo, HRCtee có thể nêu quan ngại khi:

- Việc đăng ký là bắt buộc³²
- Quá trình đăng ký khó khăn một cách không chính đáng hoặc dựa trên các luật hoặc quy định mơ hồ hoặc được xây dựng theo nghĩa rộng có thể được áp dụng tùy ý³³
- Một nhóm tôn giáo có vai trò ra quyết định về việc đăng ký một tôn giáo khác³⁴

Quyền tự do này có thể bị vi phạm trong các trường hợp ví dụ như sau:

- Pháp luật nghiêm cấm các hiệp hội tôn giáo tuyên truyền, phổ biến thông tin về một tôn giáo không phải là tôn giáo lớn nhất của quốc gia³⁵
- Các hạn chế được đặt ra đối với việc sử dụng, phổ biến và nhập các tài liệu tôn giáo³⁶
- Nhà nước áp dụng các biện pháp, bao gồm cả các biện pháp truy tố, hạn chế việc tuân theo các tôn giáo không phải là tôn giáo lớn nhất, cấm tổ chức lễ Giáng sinh, Tết Nguyên đán và các lễ hội khác.³⁷
- Những hạn chế yêu cầu những người theo một đức tin nhất định chỉ được thực hành tôn giáo của họ một cách kín đáo³⁸

1.4 Hạn chế đối với quyền Tự do Bày tỏ Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng của Cá nhân

Mặc dù không có hạn chế nào là được cho phép đối với tự do tư tưởng và lương tâm hoặc tín một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do cá nhân lựa chọn, Điều 18 (3) cho phép một số hạn chế đối với quyền tự do bày tỏ tôn giáo của cá nhân, nếu chúng được luật pháp quy định và là cần thiết nhằm mục đích bảo vệ:³⁹

- An toàn công cộng
- Trật tự công cộng
- Sức khỏe cộng đồng
- Đạo đức xã hội
- Các quyền và tự do cơ bản của người khác

Bất kỳ giới hạn nào đối với quyền tự do bày tỏ tôn giáo của một người phải:⁴⁰

- Không xuất phát từ một truyền thống mang tính xã hội, triết học hoặc tôn giáo duy nhất
- Không được áp dụng theo cách sẽ vô hiệu hóa việc bảo vệ các quyền được đảm bảo trong Điều 18
- Liên quan một cách trực tiếp, cần thiết và tương xứng với nhu cầu cụ thể mà dựa vào đó đã đề ra các hạn chế
- Không được áp đặt nhằm mục đích phân biệt đối xử hoặc áp dụng theo cách thức phân biệt đối xử
- Đảm bảo rằng những người đã phải chịu một số hạn chế pháp lý nhất định, chẳng hạn như tù nhân, có thể tiếp tục được hưởng quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ ở mức tối đa phù hợp với bản chất cụ thể của hạn chế

³⁵HRCtee, vụ Sơ Immaculate Joseph và những người khác kiện Sri Lanka (2005) mã số 1249/2004, đoạn 7.2.

³⁶Xem ví dụ: HRCtee, Nhận xét Kết luận về Uzbekistan (2020) CCPR/C/UZB/CO/5, đoạn 42; Nhận xét Kết luận về Kazakhstan (2016) CCPR/C/KAZ/CO/2, đoạn 47.

³⁷Xem ví dụ HRCtee, Nhận xét Kết luận về Brunei Darussalam (2016) CCPR/C/BRN/CO/2-3, đoạn 35.

³⁸Xem ví dụ: HRCtee, Nhận xét Kết luận về Maldives (2012) CCPR/C/MDV/CO/1, đoạn 24.

³⁹An ninh quốc gia không được bao gồm trong các lý do được phép hạn chế quyền tự do bày tỏ tôn giáo của cá nhân, trong khi nó được cho phép đối với một số các hạn chế đối với các quyền khác được ICCPR bảo vệ, chẳng hạn như các Điều 12, 19 (2), 21 và 22.

⁴⁰HRCtee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 8.



Các vấn đề phổ biến 3: Căn cứ cho các hạn chế được cho phép

- **An toàn công cộng** nên được hiểu là “bảo vệ chống lại các nguy hiểm đối với sự an toàn của các cá nhân, tính mạng hoặc sự toàn vẹn về thân thể của họ, hoặc thiệt hại nghiêm trọng đối với tài sản của họ”.⁴¹ Các hạn chế được cho phép nhằm mục đích an toàn công cộng có thể bao gồm những yêu cầu đăng ký đối với các cuộc biểu tình, tang lễ hoặc các đoàn rước tôn giáo khác để kiểm soát giao thông và tránh tình trạng gây rối.⁴²
- **Trật tự công cộng** là “tổng thể các quy tắc đảm bảo hoạt động của xã hội hoặc tập hợp các nguyên tắc cơ bản đặt nền móng cho xã hội”.⁴³ Trật tự công cộng không thể đồng nhất với “phúc lợi công cộng”.⁴⁴ Vì tổng thể các quy tắc và nguyên tắc này bao gồm toàn thể xã hội, các quốc gia không thể sử dụng trật tự công cộng như một biện minh để hạn chế quyền của những người thuộc các nhóm tôn giáo cụ thể hoặc thúc đẩy tôn giáo hoặc tín ngưỡng của đa số dân số.
- **Sức khỏe cộng đồng** nên được hiểu là việc bảo vệ chống lại “mối đe dọa nghiêm trọng đối với sức khỏe của cộng đồng dân cư hoặc của từng thành viên” và các biện pháp được thực hiện cho mục đích này phải nhằm mục đích cụ thể là ngăn ngừa bệnh tật hoặc thương tích hoặc chăm sóc người bệnh và người bị thương.⁴⁵
- **Đạo đức xã hội** xuất phát “từ nhiều truyền thống mang tính xã hội, triết học và tôn giáo, và do đó, giới hạn về quyền tự do bày tỏ một tôn giáo hoặc tín ngưỡng nhằm mục đích bảo vệ đạo đức phải dựa trên các nguyên tắc không chỉ xuất phát từ một truyền thống duy nhất”.⁴⁶ Khi biện minh cho các hạn chế dựa trên việc bảo vệ đạo đức xã hội, các quốc gia phải chứng minh rằng hạn chế trên cơ sở này là cần thiết để duy trì việc tôn trọng các giá trị cơ bản của cộng đồng.⁴⁷



⁴¹ Ủy ban Nhân quyền, Các nguyên tắc Siracusa về các điều khoản hạn chế và gây tổn hại tới các quyền trong Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (E/CN.4/1985/4), đoạn 33-34.

⁴² M Nowak và T Vospernik, ‘Những hạn chế được cho phép đối với tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng’ trong Liên minh Oslo về Tự do Tôn giáo và Tín ngưỡng (eds.), Tạo điều kiện cho Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng: Sách tham khảo (2004, Springer), 152.

⁴³ Ủy ban Nhân quyền, Các nguyên tắc Siracusa về các điều khoản hạn chế và gây tổn hại tới các quyền trong Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (E/CN.4/1985/4), đoạn 22-23.

⁴⁴ Trong quá khứ, các quốc gia thành viên đã cố gắng biện minh cho những hạn chế trên cơ sở “phúc lợi cộng đồng”. HRCtee giữ quan điểm cho rằng khái niệm “phúc lợi cộng đồng” là quá mơ hồ và có tính chất mở và có thể cho phép các hạn chế vượt quá những hạn chế được ICCPR cho phép; Xem ví dụ: HRCtee, Nhận xét Kết luận về Nhật Bản (2014) CCPR/C/JPN/CO/6, đoạn 21.

⁴⁵ Ủy ban Nhân quyền, Các nguyên tắc Siracusa về các điều khoản hạn chế và gây tổn hại tới các quyền trong Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (E/CN.4/1985/4), đoạn 25.

⁴⁶ HRCtee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 8.

⁴⁷ Ủy ban Nhân quyền, Các nguyên tắc Siracusa về các điều khoản hạn chế và gây tổn hại tới các quyền trong Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (E/CN.4/1985/4), đoạn 27.

CÂU HỎI HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT

Nếu cơ quan chức năng của quốc gia đã áp dụng các biện pháp hạn chế quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng thì liệu các biện pháp này:

- Được luật pháp quy định với những định nghĩa rõ ràng và những tiêu chí chính xác về giới hạn của quyền tự do bày tỏ tôn giáo của cá nhân?
- Cần thiết và tương xứng với việc bảo vệ an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng, đạo đức xã hội hoặc các quyền cơ bản của người khác?
- Là phương thức ít xâm phạm nhất vì không có các lựa chọn thay thế ít gây tổn hại hơn với khả năng bảo vệ tương đương cho an toàn công cộng/trật tự công cộng/sức khỏe cộng đồng/đạo đức xã hội hoặc các quyền cơ bản của người khác?
- Được áp dụng mà không nhằm bất kỳ mục đích hoặc có tác động phân biệt đối xử nào đối với các nhóm cụ thể (ví dụ: không có nhóm cụ thể nào bị ảnh hưởng đặc biệt bởi hạn chế mà không có lý do chính đáng)?
- Bảo vệ một cách bình đẳng an toàn công cộng/trật tự công cộng/sức khỏe cộng đồng/đạo đức xã hội hoặc các quyền cơ bản của mọi người mà không có bất kỳ sự phân biệt không thích đáng nào (không có nhóm cụ thể nào bị loại trừ ra khỏi phạm vi bảo vệ một cách không thích đáng)?

Nếu câu trả lời của bạn là “KHÔNG” cho bất kỳ câu hỏi nào ở trên, nguy cơ là ICCPR đã bị vi phạm, vui lòng xem xét:

- Những biện pháp nào đang hạn chế quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng và thông qua hình thức nào?
- Luật nào cung cấp căn cứ cho việc hạn chế, và bằng cách nào?
- Phần nào của hạn chế là không cần thiết, không tương xứng hoặc không thích đáng đối với mục đích bảo vệ an toàn công cộng/trật tự công cộng/sức khỏe cộng đồng/đạo đức xã hội hoặc các quyền cơ bản của người khác, và bằng cách nào?
- Những nhóm người nào bị phân biệt đối xử hoặc bị đặc biệt ảnh hưởng bởi các hạn chế, và bằng cách nào?
- Những nhóm nào bị loại trừ ra khỏi phạm vi bảo vệ, và theo cách nào?



Các vấn đề phổ biến 4:

Tính tương xứng và tính cần thiết của các hạn chế

Trọng tâm của vụ *Aliyev kiện Azerbaijan*⁴⁸ là về các yêu cầu trong luật pháp quốc gia quy định rằng tài liệu tôn giáo phải được phê duyệt và các hiệp hội tôn giáo phải được đăng ký và liệu các yêu cầu đó có nằm trong phạm vi hạn chế được cho phép theo Điều 18 (3) ICCPR hay không. HRCttee lưu ý rằng Quốc gia thành viên “không chứng minh được rằng

⁴⁸ HRCttee, vụ Aziz Aliyev kiện Azerbaijan (2021) mã số 2805/2016

việc áp dụng [các quy định theo luật pháp quốc gia] là tương xứng [với việc bảo vệ an toàn công cộng, trật tự công cộng, sức khỏe cộng đồng, đạo đức xã hội hoặc quyền của người khác]” và không “chứng minh được rằng việc phê duyệt trước và các yêu cầu đăng ký là biện pháp hạn chế cần thiết ít xâm phạm nhất”. Trong vụ *Mammadov kiện Azerbaijan*,⁴⁹ HRCttee nhận xét “rằng Quốc gia thành viên đã không trình bày bất kỳ bối cảnh nào, hoặc đưa ra bất kỳ ví dụ nào, trong đó có một mối đe dọa cụ thể và đáng kể đối với trật tự và an toàn công cộng có thể biện minh cho lệnh cấm thờ phượng tôn giáo ngoài phạm vi những tổ chức tôn giáo đã đăng ký”. Trong cả hai trường hợp, HRCttee kết luận rằng các quy định được đặt ra theo luật pháp quốc gia không thể được coi là những hạn chế được cho phép theo Điều 18 (3).

Hơn nữa, trong cả hai vụ việc Aliyev và Mammadov, các nguyên đơn phải đối mặt với việc bị bắt giữ, giam giữ, kết án và chịu hình phạt vì không đáp ứng các quy định về bày tỏ tín ngưỡng tôn giáo do luật pháp quốc gia quy định. HRCttee nhận thấy rằng, do không thể chứng minh được rằng các hình phạt là biện pháp tương xứng cần thiết nhằm phục vụ mục đích chính đáng theo quy định của Điều 18 (3), “qua việc bắt giữ, giam giữ, kết án và đưa ra hình phạt đối với các nguyên đơn đã tổ chức cuộc hội họp tôn giáo, Quốc gia thành viên đã vi phạm các quyền của họ theo Điều 18 (1)”.

1.5 Quyền tự do của cha mẹ để đảm bảo việc giáo dục tôn giáo và đạo đức cho con cái họ

Điều 18 (4) ICCPR bảo vệ quyền tự do của cha mẹ và người giám hộ hợp pháp trong việc giáo dục tôn giáo và đạo đức cho con cái họ theo ý nguyện của riêng họ. Quyền tự do này của cha mẹ và những người giám hộ hợp pháp, khi có thể áp dụng, bao gồm những cá nhân thuộc các nhóm thiểu số, người bản địa và người di cư, đã được xây dựng và củng cố bởi Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR, Điều 13 (4)), Công ước về Quyền trẻ em (CRC, Điều 14, 29 và 30),⁵⁰ và Công ước Quốc tế về Bảo vệ Quyền của Tất cả Người lao động Di cư và Các thành viên trong Gia đình Họ (ICMW, Điều 12).⁵¹

Bình luận chung số 22 của HRCttee nêu rằng “giáo dục công bao gồm việc giảng dạy về một tôn giáo hoặc tín ngưỡng cụ thể là không phù hợp với Điều 18 (4) trừ khi có điều khoản cho các trường hợp miễn trừ hoặc thay thế không phân biệt đối xử phù hợp với ý nguyện của cha mẹ và người giám hộ”,⁵² nhưng việc trường công giảng dạy các môn học như lịch sử chung của các tôn giáo và đạo đức là được cho phép nếu chương trình giảng dạy trung lập và khách quan.⁵³

Từ quan điểm về quyền của trẻ em đối với tự do tôn giáo, Điều 14 (2) CRC lưu ý rằng mặc dù các quốc gia thành viên có nghĩa vụ tôn trọng quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và người giám hộ hợp pháp để cung cấp định hướng cho trẻ em, việc định hướng này phải được đưa ra “theo một cách thức phù hợp với khả năng phát triển của trẻ”. Điều này có nghĩa là một khi đứa trẻ đã có khả năng hình thành quan điểm cá nhân, những quan điểm này cần được lắng nghe và tôn trọng một cách xứng đáng.

⁴⁹ HRCttee, vụ Saladdin Mammadov và những người khác kiện Azerbaijan (2020) mã số 2928/2017

⁵⁰ Là một phần thuộc quyền được giáo dục và tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng của trẻ em, kể cả trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ em bản địa, xem thêm phần ‘Trẻ em’ trong bộ công cụ này.

⁵¹ Là một phần thuộc quyền của người lao động nhập cư và các thành viên gia đình họ đối với tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng, xem thêm phần ‘Người di cư’ trong bộ công cụ này.



CÂU HỎI HƯỚNG DẪN GIÁM SÁT

- Liệu giáo dục công ở quốc gia của bạn có các môn học liên quan đến tôn giáo hoặc đạo đức mà **KHÔNG CÓ** chương trình giảng dạy trung lập hoặc khách quan hay không?
- Liệu giáo dục công lập ở quốc gia của bạn có bao gồm việc giảng dạy về một tôn giáo hoặc tín ngưỡng cụ thể nào đi ngược lại mong muốn của cha mẹ, người giám hộ hợp pháp hoặc trẻ em hay không?
- Liệu cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp có gặp khó khăn gì trong việc giáo dục tôn giáo và đạo đức cho con cái họ theo ý nguyện của họ hay không?
- Trẻ em có gặp khó khăn gì trong việc được giáo dục về tôn giáo và đạo đức theo lựa chọn của chúng hay không?

Nếu câu trả lời của bạn là “CÓ” cho bất kỳ câu hỏi nào ở trên, thì nguy cơ là ICCPR đã bị vi phạm, vui lòng xem xét:

- Các môn học liên quan đến tôn giáo hoặc đạo đức trong giáo dục công là môn học nào và tại sao bạn cho rằng chúng không trung lập hoặc khách quan?
- Việc giảng dạy về một tôn giáo hoặc tín ngưỡng cụ thể được đưa vào chương trình giáo dục công như thế nào?
- Những khó khăn mà cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp gặp phải trong việc giáo dục tôn giáo và đạo đức cho con cái họ theo ý nguyện của họ là gì, và nếu gặp khó khăn thì có những cách thức thay thế nào?
- Những khó khăn mà trẻ em gặp phải trong việc được giáo dục tôn giáo hoặc đạo đức theo lựa chọn của chúng, và nếu có gặp khó khăn thì có những cách thức thay thế nào không?

⁵² HRCttee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 6; Xem ví dụ: Ủy ban CRC, Nhận xét Kết luận về Brunei Darussalam (2016) CRC/C/BRN/CO/2-3, đoạn 36.

⁵³ HRCttee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 6; Xem HRCttee, vụ Erkki Hartikainen và những người khác kiện Phần Lan (1981) mã số 40/1978; C Evans, ‘Giáo dục Tôn giáo trong các Trường Công: Quan điểm Luật Nhân quyền Quốc tế’ (2008) 8 Đánh giá Luật Nhân quyền 449.

1.6 Nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo vệ quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng

Điều 2 (1) ICCPR yêu cầu các quốc gia thành viên tôn trọng và đảm bảo tất cả các quyền được quy định trong ICCPR cho tất cả các cá nhân trong lãnh thổ và thuộc quyền tài phán của quốc gia, không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào.⁵⁴ Các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền của cá nhân trước những vi phạm của các cơ quan nhà nước cũng như các cá nhân và tổ chức tư nhân.⁵⁵

Để bảo vệ một cách toàn diện tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng, cần có nhiều biện pháp khác nhau như ban hành các quy định pháp luật liên quan (Điều 2 (2)), cung cấp các biện pháp khắc phục hiệu quả cho nạn nhân (Điều 2 (3)), bảo vệ quyền thông qua việc bảo đảm về thủ tục, và các biện pháp hành chính, tư pháp hoặc giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về Công ước.⁵⁶ Việc không tuân thủ nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quyền của ICCPR không thể được biện minh bằng cách tham chiếu đến các cân nhắc về chính trị, xã hội, văn hóa hoặc kinh tế.⁵⁷

Về vấn đề này, HRCttee có thể khuyến nghị các quốc gia thành viên:

- Đền bù thỏa đáng cho các nạn nhân của các cuộc tấn công có động cơ tôn giáo⁵⁸
- Bảo vệ các cơ sở thờ tự và ngăn chặn các cuộc tấn công vào những cơ sở đó⁵⁹
- Thông qua luật cấm phân biệt đối xử và đảm bảo rằng mọi người đều được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng và hiệu quả⁶⁰
- Hành vi trừng phạt dẫn đến tình trạng ngược đãi kéo dài hoặc phân biệt đối xử, chẳng hạn như bắt giữ tùy tiện những cá nhân thuộc tôn giáo thiểu số⁶¹
- Thực hiện các biện pháp tích cực hướng tới sự dung hợp, chẳng hạn như “các kế hoạch tăng trưởng kinh tế ở các khu vực có dân cư thuộc dân tộc thiểu số và dân tộc bản địa mà không ảnh hưởng tiêu cực đến họ”⁶²
- Thực hiện các biện pháp tư pháp đối với các vụ việc liên quan tới những biểu đạt thù ghét, việc kích động phân biệt đối xử, bạo lực hoặc các tội phạm vì lý do thù hận bị cáo buộc và đảm bảo rằng những cá nhân phải chịu trách nhiệm bị đưa ra công lý⁶³
- Nhiều cộng đồng tham gia vào quá trình đưa ra quyết định⁶⁴
- Tiến hành phân tích kỹ lưỡng những khó khăn về hành chính và thực tiễn mà các nhóm tôn giáo phải đối mặt để đăng ký và tiến hành các hoạt động, áp dụng các sửa đổi để đảm bảo tuân thủ ICCPR⁶⁵



⁵⁴ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Indonesia (2013) CCPR/C/IDN/CO/1, đoạn 6.

⁵⁵ HRCttee, Bình luận chung số 31 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.13), đoạn 8.

⁵⁶ HRCttee, Bình luận chung số 31 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.13), đoạn 7.

⁵⁷ HRCttee, Bình luận chung số 31 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.13), đoạn 14.

⁵⁸ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Indonesia (2013) CCPR/C/IDN/CO/1, đoạn 17.

⁵⁹ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Sri Lanka (2014) CCPR/C/LKA/CO/5, đoạn 23.

⁶⁰ Xem ví dụ: HRCttee, Nhận xét Kết luận về Bangladesh (2017) CCPR/C/BGD/CO/1, đoạn 11.

⁶¹ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (2018) CCPR/C/LAO/CO/1, đoạn 31-32.

⁶² Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, đoạn 56.

⁶³ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, đoạn 44; Nhận xét Kết luận về Pakistan (2017) CCPR/C/PAK/CO/1, đoạn 34.

⁶⁴ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, đoạn 56.

⁶⁵ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Mông Cổ (2011) CCPR/C/MNG/CO/5, đoạn 24.



Các vấn đề phổ biến 5: Phân biệt đối xử dựa trên tôn giáo

ICCPR nghiêm cấm phân biệt đối xử dựa trên bất kỳ cơ sở nào bao gồm cả tôn giáo,⁶⁶ trong đó “phân biệt đối xử” phải được hiểu là “bất kỳ sự phân biệt, loại trừ, hạn chế hoặc ưu tiên nào dựa trên bất kỳ cơ sở nào [chẳng hạn như tôn giáo] và có mục đích hoặc tác động là vô hiệu hóa hoặc làm suy yếu việc công nhận, thụ hưởng hoặc thực hiện tất cả các quyền tự do cũng như quyền của tất cả mọi người trên cơ sở bình đẳng”.⁶⁷

Tình trạng phân biệt đối xử dựa trên tôn giáo có thể diễn ra khi một cá nhân bị đối xử tệ hơn một cá nhân khác trong hoàn cảnh tương tự dựa trên tôn giáo của họ.⁶⁸ Tuy nhiên, đối xử khác biệt không phải lúc nào cũng là phân biệt đối xử, đặc biệt nếu sự khác biệt đó dựa trên các tiêu chí hợp lý, khách quan và có mục đích chính đáng theo ICCPR.⁶⁹ Đồng thời, các hành vi không chủ ý, bao gồm các quy định pháp luật, các chính sách hoặc các thực hành có tính trung lập hoặc nhằm mục đích thiện ý có thể cấu thành nên hành vi phân biệt đối xử, trong đó có tác động tiêu cực và không tương xứng đối với một cá nhân hoặc một nhóm nhất định.⁷⁰

Tình trạng phân biệt đối xử dựa trên tôn giáo có thể đặt các cá nhân hoặc các nhóm bị lề hóa hoặc bị phân biệt đối xử vào vị trí thậm chí còn dễ bị tổn thương hơn.⁷¹ Một cá nhân hoặc một cộng đồng có thể bị phân biệt đối xử liên tầng hoặc “phân biệt đối xử nghiêm trọng hơn” khi một cá nhân hoặc một nhóm phải đối mặt với nhiều hình thức phân biệt đối xử dựa trên tôn giáo và các yếu tố liên tầng khác như sắc tộc, dân tộc, giới tính, khuynh hướng tình dục và bản dạng giới, tuổi tác hoặc tình trạng khuyết tật.⁷² Trong những trường hợp như vậy, các Ủy ban Công ước của Liên hợp quốc, không chỉ có HRCttee, có khả năng giải quyết vấn đề phân biệt đối xử dựa trên tôn giáo, miễn là một trong những yếu tố liên tầng nằm trong nhiệm vụ của Ủy ban, ví dụ như giới tính (CEDAW),⁷³ chủng tộc (CERD), tuổi tác (ví dụ như trẻ em) (CRC) và tình trạng khuyết tật (CRPD).

Sự phân biệt đối xử dựa trên tôn giáo có thể được phát hiện trong nhiều trường hợp khác nhau, chẳng hạn như trong việc tiếp cận giáo dục, việc làm hoặc các dịch vụ công, bao gồm:

- Đăng ký hộ khẩu⁷⁴
- Các quy định cấm báng bổ tôn giáo hoặc các quy định khác của tôn giáo có tác động mạnh đến các nhóm của một tôn giáo cụ thể⁷⁵
- Từ chối cho nhập học vì lý do tôn giáo⁷⁶
- Ngược đãi kéo dài, bao gồm cả bắt giữ tùy tiện nhắm vào các nhóm tôn giáo thiểu số⁷⁷
- Các hạn chế yêu cầu tín đồ của một đức tin cụ thể chỉ được thực hành tôn giáo của họ một cách kín đáo⁷⁸
- Đối xử thiên vị đối với các thành viên của quốc gia, tôn giáo được thừa nhận chính thức hoặc là tôn giáo của đa số dân số, chẳng hạn như:
 - Điều kiện để phù hợp ứng tuyển cho các vị trí công chức chỉ hạn chế cho các thành viên của quốc gia,
 - Các đặc quyền kinh tế dành cho các thành viên của quốc gia, và
 - Phân bổ quỹ cho các tổ chức tôn giáo lớn⁷⁹

⁶⁶ Xem ICCPR, các Điều 2, 18, 26 và 27.

⁶⁷HRCttee, Bình luận chung số 18 (HRI/GEN/1/Rev.9/Vol. I), đoạn 7.

⁶⁸ HRCttee, Bình luận chung số 18 (HRI/GEN/1/Rev.9/Vol. I), đoạn 7; Xem thêm Đại hội đồng Liên hợp quốc, Tuyên bố về Xóa bỏ Mọi Hình thức Không khoan dung và Phân biệt Đối xử Dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (1981) A/RES/36/55, Điều 2 (2); CESCR, Bình luận chung số 20 (E/C.12/GC/20), đoạn 10 (a).

⁶⁹HRCttee, Bình luận chung số 18, đoạn 13; Xem HRCttee, vụ Broeks kiện Hà Lan (1984) mã số 172/1984, đoạn 13; vụ Zwann-de Vries kiện Hà Lan (1984) mã số 182/1984, đoạn 13; vụ O'Neill kiện Ireland (2012) mã số 1314/2004, đoạn 8.3.

⁷⁰HRCttee, vụ Althammer và những người khác kiện Áo (2001) mã số 998/2001, đoạn 10.2; xem thêm CESCR, Bình luận chung số 20 (E/C.12/GC/20), đoạn 10 (b)

⁷¹Xem Chương 2.

⁷² Để biết thêm thông tin chi tiết về tính liên tầng, xem Đối tác của Liên hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật & UN-WOMEN, ‘Bộ công cụ và Hướng dẫn về Nguồn lực Liên tầng’ (2022)

⁷³ Xem ví dụ: Ủy ban CEDAW, Nhận xét Kết luận về Pakistan (2020) CEDAW/C/PAK/CO/5, đoạn 47; Ủy ban CERD, Nhận xét Kết luận về Thái Lan (2021) CERD/C/THA/CO/4-8, đoạn 13-14.

⁷⁴Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, đoạn 56.

⁷⁵Xem ví dụ: HRCttee, Nhận xét Kết luận về Pakistan (2017) CCPR/C/PAK/CO/1, đoạn 33.

⁷⁶Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Sri Lanka (2014) CCPR/C/LKA/CO/5, đoạn 23.

⁷⁷Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (2018) CCPR/C/LAO/CO/1, đoạn 31.

⁷⁸ Xem ví dụ: HRCttee, Nhận xét Kết luận về Maldives (2012) CCPR/C/MDV/CO/1, đoạn 24.

⁷⁹HRCttee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn Số 9; Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Pakistan (2016) CCPR/C/PAK/Q/1, đoạn 20-21; Danh sách các vấn đề đối với Sri Lanka (2020) CCPR/C/LKA/Q/6, đoạn 24-25.



Các vấn đề phổ biến 6: Các quy định pháp luật cấm bách bỏ tôn

Các quy định cấm đối với việc thể hiện sự thiếu tôn trọng đối với một tôn giáo hoặc tín ngưỡng, bao gồm cả các quy định pháp luật cấm bách bỏ, không tương thích với ICCPR, ngoại trừ những trường hợp những quy định cấm này nhằm mục đích ngăn chặn việc cổ súy thù hằn quốc gia, chủng tộc hoặc tôn giáo mà cấu thành nên việc kích động phân biệt đối xử, thù địch, hoặc bạo lực (ICCPR điều 20).⁸⁰ Khi các quy định cấm hoặc các quy định luật pháp cấm bách bỏ như vậy được ban hành, chúng phải đáp ứng tất cả các điều kiện được quy định theo Điều 19 (3) ICCPR về quyền tự do biểu đạt. Những quy định cấm này cũng phải được đề ra theo cách đủ rõ ràng để một cá nhân có thể điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp và người dân có thể tiếp cận được.⁸¹ Các quy định cấm bao gồm các quy định luật pháp cấm bách bỏ phải được ban hành mà không có bất kỳ mục đích hoặc ảnh hưởng có tính phân biệt đối xử nào.⁸²

Kế hoạch Hành động Rabat, được soạn thảo với sự hỗ trợ của các thành viên của HRCttee, bao gồm sáu mức độ để đánh giá xem các hành vi hoặc các biểu đạt có cấu thành nên việc kích động phân biệt đối xử, thù địch hoặc bạo lực bị cấm theo Điều 20 ICCPR hay không và có được coi là tội phạm hình sự.⁸³ Các quy định pháp luật cấm bách bỏ không phù hợp với ICCPR khi chúng:⁸⁴

- Phân biệt đối xử chống lại cá nhân hoặc cộng đồng một tôn giáo hoặc tín ngưỡng cụ thể
- Đối xử thiên vị đối với tín đồ tôn giáo so với người ngoại đạo
- Được sử dụng để ngăn chặn hoặc trừng phạt các phê phán đối với các nhà lãnh đạo hoặc giáo lý tôn giáo

HRCttee có thể yêu cầu thông tin từ quốc gia thành viên về các biện pháp đang được thực hiện để duy trì pháp quyền và đảm bảo rằng các quy định pháp luật cấm bách bỏ không được sử dụng vượt quá giới hạn.⁸⁵ Trong trường hợp HRCttee nhận thấy các quy định pháp luật cấm bách bỏ không phù hợp với ICCPR, Ủy ban sẽ khuyến nghị bãi bỏ các quy định đó.⁸⁶ Ngoài ra, CRC (Ủy ban) đã nhấn mạnh rằng những người dưới 18 tuổi phải được miễn trách nhiệm hình sự về tội bách bỏ.⁸⁷

⁸⁰ HRCttee, Bình luận chung số 34, đoạn 48; Xem thêm Ủy ban Luật gia Quốc tế, ‘Những thách thức đối với tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng ở Myanmar’ (2019), 14-22.

⁸¹ HRCttee, Bình luận chung số 34, đoạn 24; Danh sách các vấn đề đối với Pakistan (2016) CCPR/C/PAK/Q/1, đoạn 20-21.

⁸² Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Pakistan (2016) CCPR/C/PAK/Q/1, đoạn 20-21; Nhận xét Kết luận về Indonesia (2013) CCPR/C/IDN/CO/1, đoạn 25.

⁸³ Đại hội đồng Liên hợp quốc, Kế hoạch Hành động Rabat (2013) A/HRC/22/17/Add.4, đoạn 29

⁸⁴ HRCttee, Bình luận chung số 34 (CCPR/C/GC/34), đoạn 48.

⁸⁵ Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Bangladesh (2016) CCPR/C/BGD/Q/1, đoạn 18; Danh sách các vấn đề đối với Pakistan (2016) CCPR/C/PAK/Q/1, đoạn 20-21.

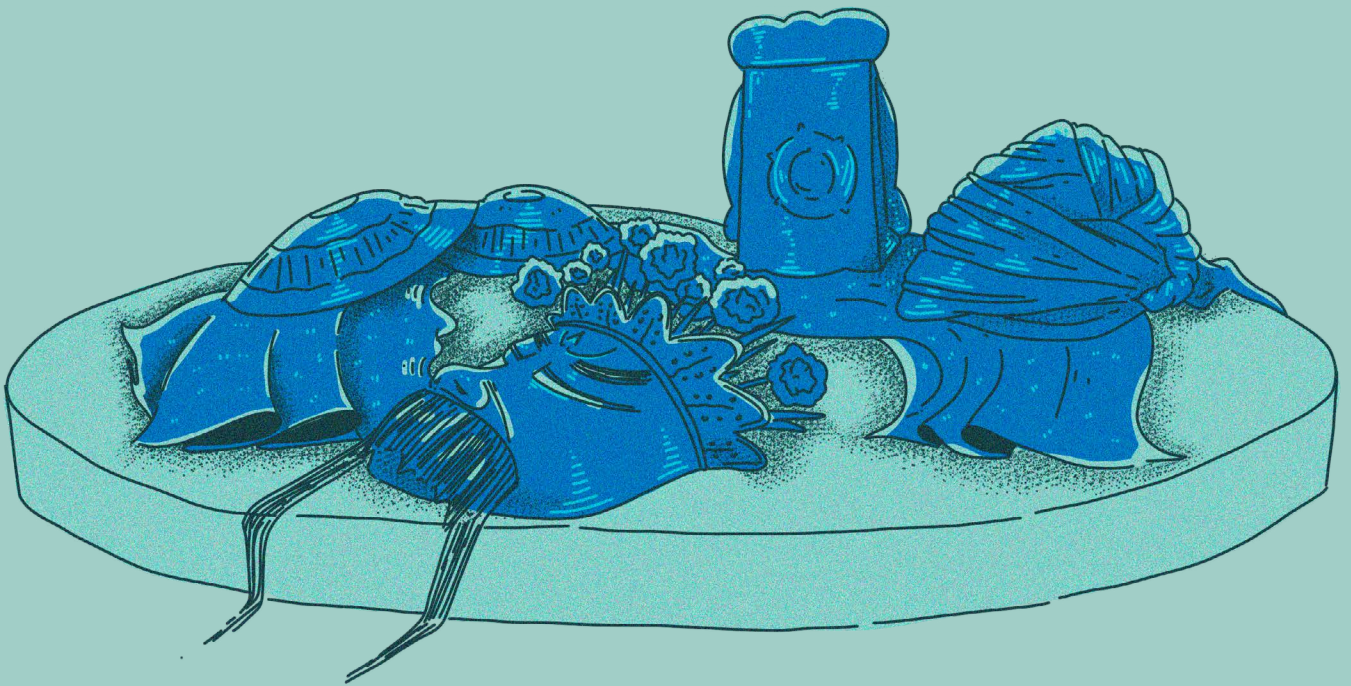
⁸⁶ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Indonesia (2013) CCPR/C/IDN/CO/1, đoạn 24; Nhận xét Kết luận về Pakistan (2017) CCPR/C/PAK/CO/1, đoạn 34.

⁸⁷ Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Các Nhận xét Kết luận về Pakistan (2016) CRC/C/PAK/CO/5, đoạn 31.



Chương 2

Các nhóm dễ bị tổn thương



Mặc dù Điều 18 ICCPR bảo vệ quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng của mọi cá nhân, một số cá nhân và nhóm có nguy cơ bị xâm phạm quyền tự do cũng như bị phân biệt đối xử do các yếu tố liên tầng và bản sắc giao thoa, chẳng hạn như nguồn gốc sắc tộc hoặc dân tộc, giới tính, quyền công dân hoặc tư cách di cư và độ tuổi. Do đó, cần đặc biệt chú ý đến tình hình của các nhóm dễ bị tổn thương đó, trong đó các quốc gia thành viên được yêu cầu thực hiện các biện pháp bổ sung và cụ thể để bảo vệ hiệu quả các quyền và tự do của họ phù hợp với các quy định liên quan của ICCPR và rộng hơn là luật nhân quyền quốc tế.

2.1 Các nhóm sắc tộc, tôn giáo hoặc ngôn ngữ thiểu số

Điều 27 ICCPR bảo vệ quyền của những người thuộc sắc tộc, tôn giáo hoặc ngôn ngữ thiểu số được tuyên xưng hoặc thực hành tôn giáo của mình, cũng như được hưởng nền văn hóa và sử dụng ngôn ngữ của mình.⁸⁸ Các cá nhân mà quyền của họ được bảo vệ bởi Điều 27 là những cá nhân thuộc một nhóm người có chung nền văn hóa, tôn giáo hoặc ngôn ngữ, nhưng không cần phải là công dân hoặc người có quốc tịch, hoặc có tư cách thường trú tại quốc gia đó.⁸⁹ Các nhóm tôn giáo thiểu số thường là nạn nhân của các hành vi vi phạm quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng và các hành vi không khoan dung.⁹⁰ Ngoài những quan ngại về tình hình gia tăng tình trạng dễ bị tổn thương của cá nhân, các cá nhân thuộc các nhóm thiểu số có thể lo ngại về sự tồn vong của cả cộng đồng họ.

Theo Điều 27, các quốc gia thành viên của ICCPR được yêu cầu thực hiện các biện pháp để bảo vệ các cá nhân thuộc nhóm thiểu số khỏi “các hành vi của chính quốc gia thành viên” và “các hành vi của những cá nhân khác ở quốc gia thành viên”.⁹¹ Hơn nữa, HRCtee nhấn mạnh rằng nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc bảo vệ các quyền này phải “hướng tới để đảm bảo sự tồn tại và phát triển không ngừng của các bản sắc văn hóa, tôn giáo và xã hội của các dân tộc thiểu số có liên quan.”⁹² Các hành vi phân biệt đối xử chống lại các nhóm tôn giáo thiểu số có thể bị coi là vi phạm cả hai Điều 18 và 27 ICCPR, ví dụ như khi việc phân biệt đối xử tác động trực tiếp đến khả năng thực hành tôn giáo hoặc tín ngưỡng của những người thiểu số này.⁹³ Ngoài ra, Điều 20 (2) ICCPR quy định các biện pháp bảo vệ chống lại việc xâm phạm quyền của các nhóm tôn giáo thiểu số và của các nhóm tôn giáo khác để thực hiện các quyền được đảm bảo bởi các Điều 18 và 27 cũng như chống lại các hành vi bạo lực hoặc đàn áp nhắm vào các nhóm đó.⁹⁴

Mặc dù ‘tôn giáo’ không được liệt kê là một trong năm cơ sở phân biệt đối xử được quy định cụ thể trong Điều 1 của Công ước, Công ước Quốc tế về Xóa bỏ Mọi hình thức Phân biệt chủng tộc (‘ICERD’) cũng bảo vệ các nhóm thiểu số tôn giáo không bị phân biệt đối xử trong các trường hợp ‘phân biệt đối xử kép’ dựa trên tôn giáo và một lý do khác được quy định cụ thể trong Điều 1 của ICERD, bao gồm cả nguồn gốc sắc tộc hay dân tộc. Ngoài ra, Điều 5 (d) của ICERD quy định rằng các quốc gia thành viên có nghĩa vụ đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng, không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc sắc tộc hoặc dân tộc.

Các vấn đề mà HRCtee và các Ủy ban Công ước khác giải quyết, liên quan đến quyền của dân tộc thiểu số, tôn giáo hoặc ngôn ngữ, đặc biệt liên quan đến quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ, bao gồm:

⁸⁸ ICCPR, Điều 27: “Ở những quốc gia có nhiều nhóm thiểu số về sắc tộc, tôn giáo và ngôn ngữ, những cá nhân thuộc các nhóm thiểu số đó, cùng với những thành viên khác của cộng đồng mình, không thể bị khước từ quyền có đời sống văn hóa riêng, quyền được theo và thực hành tôn giáo riêng hoặc quyền được sử dụng ngôn ngữ riêng của họ”; Xem thêm Đại hội đồng Liên hợp quốc, Tuyên bố về Quyền của các Cá nhân thuộc Dân tộc hoặc Sắc tộc, Tôn giáo và Ngôn ngữ Thiểu số (1992) A/RES/47/135, Điều 1 (1) quy định rằng các quốc gia phải khuyến khích các điều kiện thúc đẩy bản sắc của các dân tộc, sắc tộc, văn hóa, tôn giáo và ngôn ngữ thiểu số.

⁸⁹HRCtee, Bình luận chung số 23 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.5), các đoạn 5.1-5.2.

⁹⁰Xem Đại hội đồng Liên hợp quốc, Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2006) A/61/340, đoạn 49; Xem thêm N Ghanee, ‘Người thiểu số và Nỗi thù hận: Sự bảo vệ và Những hệ quả’ (2010) 17 Tạp chí Quốc tế về Quyền của Người thiểu số và Nhóm dân tộc 423.

⁹¹ HRCtee, Bình luận chung số 23 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.5), đoạn 6.1.

⁹² HRCtee, Bình luận chung số 23 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.5), đoạn 9.

⁹³ HRCtee, Bình luận chung số 22 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4), đoạn 9; Xem ví dụ: Ủy ban Luật gia Quốc tế, ‘Vi phạm Quyền Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng ở Pakistan (2021), 32-34.

⁹⁴Như đã dẫn.

⁹⁵ CERD, Khuyến nghị chung số 25 về Các khía cạnh liên quan đến giới của tình trạng phân biệt chủng tộc, các đoạn 3, 4, 5, 6; Khuyến nghị chung số 29 về Điều 1 (1) của Công ước, các đoạn 11, 12, 13; Khuyến nghị chung số 30 về phân biệt đối xử với người không phải là công dân, đoạn 8.

⁹⁶ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Indonesia (2013) CCPR/C/IDN/CO/1, đoạn 25.

⁹⁷ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, các đoạn 55-56.

⁹⁸ Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Việt Nam (2018) CCPR/C/VNM/Q/3, đoạn 18; Nhận xét Kết luận về Pakistan (2016) CERD/C/PAK/CO/21-23, đoạn 15.

⁹⁹ Xem ví dụ: CERD, Các Nhận xét Kết luận về Pakistan (2016) CERD/C/PAK/CO/21-23, đoạn 15.

¹⁰⁰ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Sri Lanka (2014) CCPR / C / LKA / CO / 5, đoạn 23.

¹⁰¹ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, các đoạn 55-56.

¹⁰² Xem ví dụ: CERD, Các Nhận xét Kết luận về Sri Lanka (2016) CERD/C/LKA/CO/10-17, đoạn 18.

¹⁰³ Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Philippines (2020) CCPR/C/PHL/Q/5, đoạn 21.

¹⁰⁴ Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Việt Nam (2018) CCPR/C/VNM/Q/3, đoạn 18.

¹⁰⁵ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2002) CCPR/C/VNM/CO, đoạn 16.

¹⁰⁶ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận sát về Việt Nam (2002) CCPR/C/VNM/CO, đoạn 16.

¹⁰⁷ Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Việt Nam (2018) CCPR/C/VNM/Q/3, đoạn 18.

¹⁰⁸ Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Việt Nam (2018) CCPR/C/VNM/Q/3, đoạn 18.

¹⁰⁹ Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Việt Nam (2018) CCPR/C/VNM/Q/3, đoạn 18.

¹¹⁰ Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Philippines (2020) CCPR/C/PHL/Q/5, đoạn 21.

¹¹¹ Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Philippines (2020) CCPR/C/PHL/Q/5, đoạn 21.

¹¹² Xem ví dụ: HRCttee, Danh sách các vấn đề đối với Bangladesh (2016) CCPR/C/BGD/Q/1, đoạn 18.

¹¹³ HRCttee, Nhận xét Kết luận Sri Lanka (2014) CCPR/C/LKA/CO/5, đoạn 22; Danh sách các vấn đề đối với Nepal (2013) CCPR/C/NPL/Q/2, đoạn 23.

- Những hạn chế không thích đáng đối với quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ, bao gồm cả luật pháp và chính sách⁹⁶
- Phân biệt đối xử trong giáo dục, việc làm và các dịch vụ công khác⁹⁷
- Việc phỉ báng và có biểu đạt thù ghét, bao gồm của cả người của công chúng và các cán bộ nhà nước⁹⁸
- Các tội phạm vì lý do thù hận (hate crime) bao gồm quấy rối, bạo lực tập thể và giết người⁹⁹
- Tấn công vào cơ sở thờ tự và cơ sở kinh doanh¹⁰⁰
- Thu hồi và giao đất cho các dự án phát triển và thiếu các biện pháp xử lý thích hợp, bao gồm cả việc di dời và đền bù¹⁰¹
- Xâm hại cơ sở thờ tự, gián đoạn các hoạt động tôn giáo, từ chối cấp phép xây dựng công trình tôn giáo và từ chối an táng trong nghĩa trang công cộng¹⁰²



Các vấn đề phổ biến 7: Các cuộc tấn công và trả thù chống lại các nhóm tôn giáo thiểu số và các nhà lãnh đạo của họ

Các thành viên, đặc biệt là các nhà lãnh đạo, của các nhóm tôn giáo thiểu số thường phải đối mặt với nhiều hình thức tấn công và trả thù của các tác nhân nhà nước hoặc tư nhân vì lý do tôn giáo hoặc do các hoạt động của họ nhằm bảo vệ quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng của mình.

Ví dụ về các cuộc tấn công và trả thù được HRCttee giải quyết bao gồm:

- Bạo lực thể xác¹⁰³
- Đe dọa¹⁰⁴
- Quấy rối¹⁰⁵
- Tạm giam (bao gồm cả giam giữ biệt tích (incommunicado detention) mà không có cáo buộc)¹⁰⁶
- Biểu đạt thù ghét¹⁰⁷
- Tra tấn¹⁰⁸
- Bị kết án vì lý do ‘an ninh quốc gia’¹⁰⁹
- Đe dọa bạo lực¹¹⁰
- Những vụ xử tử không xét xử¹¹¹
- Các nhà chức trách từ chối bảo vệ¹¹²
- Tấn công và hạn chế quyền tự do hội họp và biểu đạt¹¹³

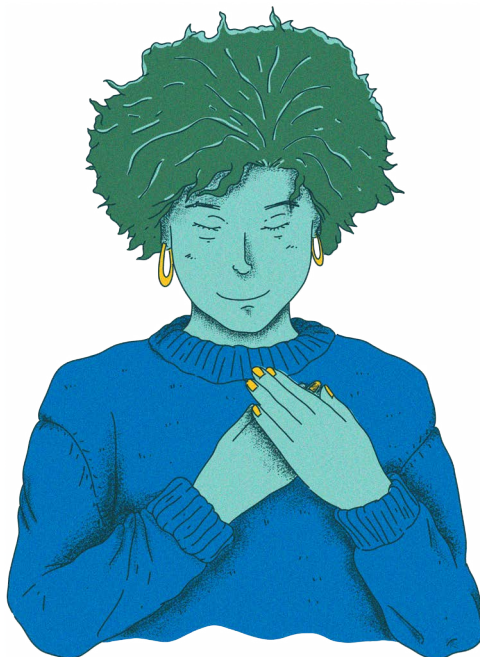
Để giải quyết vấn đề này, HRCttee thường yêu cầu quốc gia thành viên cung cấp thông tin về các cáo buộc trả thù, bao gồm số lượng các cuộc điều tra, truy tố và kết án liên quan đến vụ việc trả thù đó.¹¹⁴ HRCttee cũng khuyến nghị rằng những người chịu trách nhiệm về việc trả thù phải được nhà nước đưa ra trước tòa án.¹¹⁵

2.2 Phụ nữ¹¹⁶

Điều 3 ICCPR bảo vệ “quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc thụ hưởng tất cả các quyền dân sự và chính trị”. Điều này có nghĩa là quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng - bao gồm các quyền tin, theo, thay đổi và bày tỏ một tôn giáo hoặc tín ngưỡng - phải được đảm bảo và bảo vệ như nhau giữa nam và nữ. Ngoài ra, trẻ em gái và phụ nữ trẻ có thể dễ rơi vào nhóm dễ bị tổn thương hơn dựa trên giới tính và độ tuổi của họ. HRCtee chỉ ra rằng để phụ nữ được hưởng quyền tự do tôn giáo một cách bình đẳng đòi hỏi sự bảo vệ đặc biệt và các biện pháp tích cực, bao gồm giáo dục cộng đồng về vai trò của phụ nữ, trao quyền cho phụ nữ, thay đổi luật pháp quốc gia và đào tạo cho các cán bộ.¹¹⁷ Cũng cần lưu ý rằng bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào đối với phụ nữ, bao gồm cả việc họ thực hiện và thụ hưởng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản đều bị CEDAW nghiêm cấm.¹¹⁸

Các vấn đề được HRCtee và các Ủy ban Công ước khác giải quyết, liên quan đến quyền của phụ nữ và trẻ em gái, đặc biệt là quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ, bao gồm:

- Các thực hành gây tổn hại¹¹⁹
- Ép buộc cải đạo đi kèm với cưỡng hôn¹²⁰
- Quy định về trang phục của phụ nữ và trẻ em gái ở nơi công cộng, đặc biệt, khi họ phải tuân theo các yêu cầu về trang phục không phù hợp với tôn giáo của họ hoặc quyền tự bày tỏ bản thân của họ, bao gồm cả quyền không mặc trang phục tôn giáo¹²¹
- Các quy tắc yêu cầu phụ nữ phải xin phép các bên thứ ba hoặc việc can thiệp của cha, chồng, anh trai hoặc những người khác, ví dụ: khi thực hiện quyền tự do được theo, thay đổi, bày tỏ hoặc không theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng¹²²
- Luật hôn nhân và gia đình quy định các quyền của phụ nữ dựa trên tôn giáo của họ¹²³



¹¹⁴ Xem ví dụ: HRCtee, Danh sách các vấn đề đối với Philippines (2020) CCPR/C/PHL/Q/5, đoạn 21.

¹¹⁵ HRCtee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, đoạn 43.

¹¹⁶ Để biết thêm thông tin, xem HRCtee, Bình luận chung số 28 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.10) và CEDAW (Ủy ban) và CRC (Ủy ban), Khuyến nghị chung số 31 (C/GC/31/Rev.1/C/GC/18/Rev.1)

¹¹⁷ HRCtee, Bình luận chung số 28 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.10), đoạn 3.

¹¹⁸ Vd: Điều 2 và 3

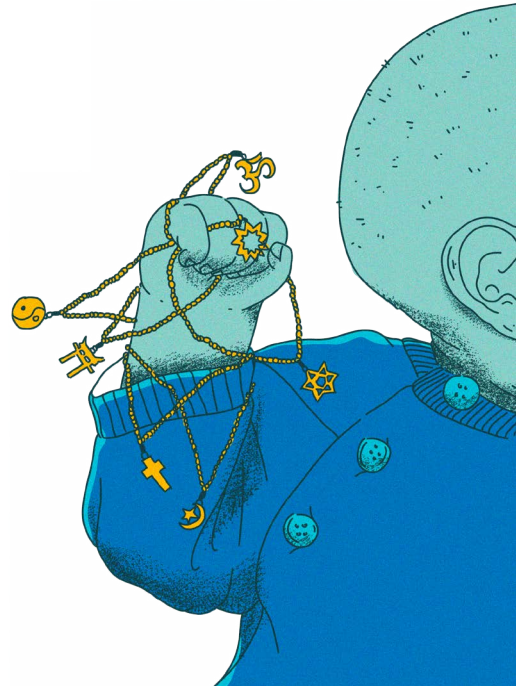
¹¹⁹ Xem hộp văn bản “Các Vấn đề Phổ biến 8: Các thực hành gây tổn hại”.

¹²⁰ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Danh sách các vấn đề đối với Pakistan (2019) CEDAW/C/PAK/Q/5, đoạn 21; CESCR (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Pakistan (2017) CESCR/C/PAK/CO/1, các đoạn 57-58, Xem thêm H Bielefeldt, M Wiener và N Ghana-Hercock, Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng: Bình luận Luật Quốc tế (OUP 2017), 370.

¹²¹ HRCtee, Bình luận chung số 28 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.10), đoạn 13; Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Indonesia (2021) CEDAW/C/IDN/CO/8, đoạn 13; CRC (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Iran (2016) CRC/C/IRN/CO/3-4, các đoạn 49-50; Xem thêm HRCtee, vụ Miriana Hebbadj kiện Pháp (2018) mã số 2807/2016, đoạn 7.15: “Ủy ban lưu ý thêm rằng lệnh cấm trùm kín mặt mà Đạo luật đưa ra dường như dựa trên giả định rằng mạng che mặt vốn có tính phân biệt đối xử và phụ nữ đeo mạng che mặt vì buộc phải làm như vậy. Mặc dù thừa nhận rằng một số phụ nữ có thể phải chịu áp lực từ gia đình hoặc xã hội để che mặt, nhưng Ủy ban nhận thấy rằng việc đeo mạng che mặt cũng có thể là một lựa chọn - hoặc thậm chí là một cách để tự khẳng định bản thân - dựa trên niềm tin tôn giáo, như trường hợp của nguyên đơn”.

¹²² HRCtee, Bình luận chung số 28 (CCPR/C/21/Rev.1/Add.10), đoạn 21.

¹²³ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Myanmar (2016) CEDAW/C/MMR/CO/4-5, đoạn 14; Nhận xét Kết luận về Myanmar (2008) CEDAW/C/MMR/CO/3, đoạn 10; Nhận xét Kết luận về Ấn Độ (2014) CEDAW/C/IDN/CO/4-5, đoạn 40.



2.3 Trẻ em

Điều 14 của CRC bảo vệ quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng của trẻ em. Điều 30 của CRC bảo vệ quyền của trẻ em thuộc các cộng đồng sắc tộc, tôn giáo, ngôn ngữ thiểu số hoặc dân tộc bản địa “có quyền được hưởng nền văn hóa của mình, được tuyên xưng và thực hành tôn giáo của mình, hoặc sử dụng ngôn ngữ của mình khi sinh hoạt trong cộng đồng với các thành viên khác của nhóm”. Ngoài ra, Điều 20 của CRC bắt buộc các quốc gia thành viên phải cung cấp sự bảo vệ và hỗ trợ đặc biệt, đồng thời đảm bảo dịch vụ chăm sóc thay thế, cùng những cân nhắc thích đáng tới tính liên tục trong quá trình nuôi dạy trẻ em cũng như nguồn gốc sắc tộc, tôn giáo, văn hóa và ngôn ngữ của trẻ em.

Những vi phạm quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng của trẻ em có thể bao gồm:

- Phủ nhận quyền tự do của trẻ em theo tôn giáo khác với tôn giáo của cha mẹ¹²⁴
- Hạn chế hoặc cấm đoán đối với việc trẻ em (thuộc các nhóm tôn giáo thiểu số) tham gia vào các lễ hội tôn giáo hoặc không được giáo dục về tôn giáo¹²⁵
- Ngược đãi kéo dài và bạo lực nhắm vào trẻ em thuộc các nhóm tôn giáo thiểu số, bao gồm giám sát, bắt giữ, giam giữ, ngược đãi và tra tấn¹²⁶
- Tình trạng không khoan dung tôn giáo được bao gồm trong chương trình giảng dạy trong trường học, bao gồm cả những tuyên bố gây tổn hại đến quyền của các tôn giáo thiểu số trong sách giáo khoa¹²⁷
- Giáo dục tôn giáo bắt buộc cho tất cả trẻ em không phân biệt tôn giáo của các em hoặc phủ nhận quyền được học về tôn giáo của mình (bằng tiếng mẹ đẻ)¹²⁸
- Cải đạo trái với ý nguyện của trẻ em, cha mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp¹²⁹
- Những rào cản tiếp cận giáo dục vì lý do tôn giáo hoặc không có giấy chứng nhận rửa tội¹³⁰

¹²⁴ Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Các Nhận xét Kết luận về Pakistan (2016) CRC/C/PAK/CO/5, đoạn 30-31.

¹²⁵ Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Các Nhận xét Kết luận về Brunei Darussalam (2016) CRC/C/BRN/CO/2-3, đoạn 35; CEDAW (Ủy ban), Danh sách các vấn đề đối với Trung Quốc (2021) CEDAW/C/CHN/Q/9, đoạn 14; CRC (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Indonesia (2014) CRC/C/IDN/CO/3-4, đoạn 29.

¹²⁶ Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Các Nhận xét Kết luận về Myanmar (2012) CRC/C/MMR/CO/3-4, đoạn 45.

¹²⁷ Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Các Nhận xét Kết luận về Ấn Độ (2014) CRC/C/IND/CO/3-4, đoạn 45.

¹²⁸ Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Danh sách các vấn đề đối với Trung Quốc (2013) CRC/C/CHN/Q/3-4, đoạn 16; Xem thêm Ủy ban Nhân quyền, Thực hiện Tuyên bố về Xóa bỏ Mọi Hình thức Không khoan dung và Phân biệt Đối xử dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng: Báo cáo do Angelo Vidal d'Almeida Ribero đệ trình (1986) E/CN.4/1987/35, đoạn 67.

¹²⁹ Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Các Nhận xét Kết luận về Trung Quốc (2013) CRC/C/CHN/CO/3-4, đoạn 41; Nhận xét Kết luận về Hàn Quốc (2017) CRC/C/PRK/CO/5, đoạn 21; Nhận xét Kết luận về Pakistan (2016) CRC/C/PAK/CO/5, đoạn 30-31.

¹³⁰ Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Các Nhận xét Kết luận về Đông Timor (2015) CRC/C/TLS/CO/2-3, đoạn 24-25.



Các vấn đề phổ biến 8: Những thực hành gây tổn hại

Một số thực hành, được thực hiện dưới danh nghĩa tôn giáo hoặc tín ngưỡng hoặc là một phần của việc bày tỏ tôn giáo, có thể vi phạm quyền con người, đặc biệt là các thực hành mà trong đó gây tổn hại hoặc gây đau khổ về thân thể và/hoặc tâm lý của những người có liên quan. Điều 5 ICCPR khẳng định rằng “không có điều gì” - thậm chí kể cả Điều 18 - trong ICCPR có thể được hiểu theo cách cho phép hủy bỏ hoặc giới hạn quá mức bất kỳ quyền và quyền tự do nào khác của ICCPR, và Điều 18 (3) cho phép các giới hạn của quyền tự do bày tỏ một tôn giáo hoặc tín ngưỡng nhằm mục đích bảo vệ các quyền cơ bản của người khác. Các thực hành gây tổn hại không thể được biện minh bằng cách tham chiếu đến quyền tự do tôn giáo hoặc bất kỳ cơ sở tôn giáo nào khác.¹³¹ Hơn nữa, các hình phạt về thân thể bao gồm đánh đập bằng roi gậy, ngay cả khi chúng được quy định trong luật pháp quốc gia như Bộ luật Hình sự hoặc luật tôn giáo, đều bị coi là vi phạm Điều 7 ICCPR.¹³² Cần phải nhớ rằng quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng, được bảo vệ bởi luật nhân quyền quốc tế, là một quyền con người bảo vệ các cá nhân, không phải bảo vệ các tôn giáo của họ.

Ví dụ về các thực hành gây tổn hại bao gồm:

- Cắt bỏ âm vật¹³³
- Ép buộc kết hôn và tảo hôn¹³⁴
- Bạo lực vì lý do danh dự hoặc liên quan đến của hồi môn¹³⁵
- Cách ly phụ nữ và trẻ em gái đang trong thời kỳ kinh nguyệt¹³⁶
- Kiểm tra trinh tiết¹³⁷
- Gây sẹo, bỏng, ném đá, đánh đập bằng roi gậy hoặc cắt cụt chi¹³⁸
- Trừng phạt thân thể¹³⁹
- Nghi thức gia nhập mang tính bạo lực¹⁴⁰
- Các thực hành trong giai đoạn ở góa¹⁴¹
- Bị buộc tội là phù thủy¹⁴²
- Loạn luân¹⁴³



¹³¹ Xem ví dụ: HRCttee, Nhận xét Kết luận về Thái Lan (2017) CCPR/C/THA/CO/2, đoạn 11; Xem thêm Hội đồng Nhân quyền, Xóa bỏ Mọi Hình thức Không khoan dung và Phân biệt Đối xử Dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2007) HRC/RES/6/37, đoạn 11 (b).

¹³² Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Sudan (2018) CCPR/C/SDN/CO/5, đoạn 35

¹³³ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Malaysia (2018) CEDAW/C/MYS/CO/3-5, đoạn 21.

¹³⁴ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Nepal (2018) CEDAW/C/NPL/CO/6, đoạn 18; CRC (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Brunei Darussalam (2016) CRC/C/BRN/CO/2-3, đoạn 44.

¹³⁵ CEDAW (Ủy ban) và CRC (Ủy ban), Khuyến nghị chung số 31 (C/GC/31.Rev.1/C/GC/18/Rev.1), đoạn 9.

¹³⁶ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Nepal (2018) CEDAW/C/NPL/CO/6, đoạn 18.

¹³⁷ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Indonesia (2021) CEDAW/C/IDN/CO/8, đoạn 21.

¹³⁸ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Sudan (2018) CCPR/C/SDN/CO/5, đoạn 35 và CEDAW (Ủy ban) và CRC (Ủy ban), Khuyến nghị chung số 31 (C/GC/31.Rev.1/C/GC/18/Rev.1), đoạn 9; Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Các Nhận xét Kết luận về Pakistan (CRC/C/PAK/CO/5), đoạn 38.

¹³⁹ Xem ví dụ: CRC (Ủy ban), Các Nhận xét Kết luận về Brunei Darussalam (2016) CRC/C/BRN/CO/2-3, đoạn 40.

¹⁴⁰ CEDAW (Ủy ban) và CRC (Ủy ban), Khuyến nghị chung số 31 (C/GC/31.Rev.1/C/GC/18/Rev.1), đoạn 9.

¹⁴¹ CEDAW (Ủy ban) và CRC (Ủy ban), Khuyến nghị chung số 31 (C/GC/31.Rev.1/C/GC/18/Rev.1), đoạn 9.

¹⁴² Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Nepal (2018) CEDAW/C/NPL/CO/6, đoạn 18; Nhận xét Kết luận về Maldives (2021) CEDAW/C/MDV/CO/6, đoạn 25.

¹⁴³ CEDAW (Ủy ban) và CRC (Ủy ban), Khuyến nghị chung số 31 (C/GC/31.Rev.1/C/GC/18/Rev.1), đoạn 9.

Vì hầu hết các thực hành gây tổn hại nhắm vào phụ nữ hoặc trẻ em vi phạm CEDAW hoặc CRC, Ủy ban Quyền trẻ em ('CRC (Ủy ban)') và Ủy ban Xóa bỏ Mọi Hình thức Phân biệt Đối xử với phụ nữ ('CEDAW (Ủy ban)') đã cùng đưa ra các tiêu chí sau đây để phát hiện các thực hành gây tổn hại, đặc biệt là những thực hành liên quan đến phụ nữ và trẻ em.¹⁴⁴ Một thực hành có thể gây tổn hại nếu thực hành đó:

- Cấu thành nên việc phủ nhận phẩm giá và/hoặc tính toàn vẹn của cá nhân và xâm phạm các quyền con người và các quyền tự do cơ bản được quy định trong hai Công ước
- Có hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ hoặc trẻ em và gây tổn hại trong chừng mực gây hậu quả tiêu cực cho họ, bao gồm tổn hại về thân thể, tâm lý, kinh tế và xã hội và/hoặc bạo lực và hạn chế khả năng tham gia đầy đủ vào xã hội hoặc phát triển và phát huy hết tiềm năng của họ
- Là một tập quán truyền thống, một tập quán tái hoặc mới xuất hiện được quy định bởi các chuẩn mực xã hội nhằm duy trì sự thống trị của nam giới và bất bình đẳng đối với phụ nữ hoặc trẻ em, trên cơ sở giới tính, bản dạng giới, tuổi tác và các bản sắc đa diện khác
- Được áp đặt lên phụ nữ và trẻ em bởi các thành viên gia đình, các thành viên trong cộng đồng hoặc xã hội nói chung, bất kể liệu phụ nữ hoặc trẻ em có hoàn toàn đồng thuận trên tinh thần tự nguyện sau khi đã được cung cấp đủ thông tin

Cả CRC và CEDAW (Ủy ban) đã khuyến nghị các quốc gia thành viên cấm các thực hành gây tổn hại thông qua luật pháp, xử phạt và hình sự hóa các thực hành đó, đồng thời cung cấp các phương tiện phòng ngừa, bảo vệ, phục hồi và khắc phục, đồng thời đảm bảo rằng các quy định luật pháp nhằm loại bỏ các thực hành gây tổn hại hại quy định ngăn sách, công tác triển khai, giám sát phù hợp và các biện pháp thực thi hiệu quả.¹⁴⁵ Các Ủy ban này cũng có thể khuyến nghị các biện pháp như:

- Xây dựng các chiến lược toàn diện phối hợp với xã hội dân sự để nâng cao nhận thức của tất cả các bên liên quan về các quy định pháp luật về các thực hành gây tổn hại và tác động của các thực hành đó đối với cuộc sống của phụ nữ và trẻ em gái¹⁴⁶
- Thúc đẩy các cách diễn giải có tính nhạy cảm giới (gender-sensitive) trong các văn bản tôn giáo của các nhà thờ¹⁴⁷
- Đưa ra sửa đổi pháp lý cụ thể¹⁴⁸
- Đánh giá về tác động của tôn giáo đối với những nhận thức của cộng đồng tạo ra những định kiến phân biệt đối xử về giới và tình trạng bạo lực trên cơ sở giới¹⁴⁹
- Nâng cao nhận thức của các nhà lãnh đạo tôn giáo về tác động tiêu cực của các tập quán pháp có tính phân biệt đối xử¹⁵⁰

¹⁴⁴ CEDAW (Ủy ban) và CRC (Ủy ban), Khuyến nghị chung số 31 (C/GC/31/Rev.1/C/GC/18/Rev.1), đoạn 16.

¹⁴⁵ CEDAW (Ủy ban), Bình luận chung số 28, đoạn 38 (a); Ủy ban CRC, Bình luận chung số 13, đoạn 40.

¹⁴⁶ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Nepal (2018) CEDAW/C/NPL/CO/6, đoạn 19.

¹⁴⁷ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Samoa (2018) CEDAW/C/WSM/CO/6, đoạn 22.

¹⁴⁸ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Đông Timor (2015) CEDAW/C/YLS/CO/2-3, đoạn 17.

¹⁴⁹ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Nhận xét Kết luận về Samoa (2018) CEDAW/C/WSM/CO/6, đoạn 22.

¹⁵⁰ Xem ví dụ: CEDAW (Ủy ban), Các nhận xét kết luận về Kiribati (2020) CEDAW/C/KIR/CO/1-3, đoạn 52.



2.4 Những người tị nạn, người xin tị nạn và người bị mất nơi cư trú (IDPs)¹⁵¹

Mặc dù tư cách pháp nhân của họ khác nhau, nhưng những người tị nạn, người xin tị nạn và IDPs thường phải đối mặt với những thách thức nhất định trong việc thực hiện quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ, chẳng hạn như ảnh hưởng của việc di dời, không cảm thấy quen thuộc với các bối cảnh pháp lý và xã hội, và khả năng rơi vào hoàn cảnh phải sử dụng ngôn ngữ mới hoặc trở thành thiểu số.¹⁵²

Ngoài việc bảo vệ các quyền của họ và đảm bảo không phân biệt đối xử do ICCPR quy định, Công ước Liên quan đến Tư cách của Người tị nạn đưa ra các điều khoản cụ thể buộc các quốc gia thành viên phải đối xử đối với những người tị nạn tương tự như công dân của quốc gia trong lĩnh vực quyền tự do thực hành tôn giáo hoặc tín ngưỡng và quyền tự do để đảm bảo việc giáo dục tôn giáo cho con cái họ.¹⁵³ Ngoài ra, các quốc gia bị cấm không được trục xuất hoặc đưa người tị nạn trở lại các lãnh thổ mà tại đó cuộc sống hoặc quyền tự do của họ có thể bị đe dọa vì lý do tôn giáo.¹⁵⁴



Hơn nữa, các Các nguyên tắc Hướng dẫn về Tình trạng bị Mất nơi Cư trú do Ủy ban Nhân quyền soạn thảo:¹⁵⁵

- Bảo đảm áp dụng không phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào, chẳng hạn như dựa trên ‘tôn giáo hoặc tín ngưỡng’¹⁵⁶
- Cấm di dời tùy tiện, bao gồm các thực hành nhắm vào thành phần dân tộc, tôn giáo hoặc chủng tộc của nhóm dân số bị ảnh hưởng¹⁵⁷
- Nghiêm cấm các phân biệt đối xử đối với IDPs trong việc thụ hưởng quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng¹⁵⁸
- Nhấn mạnh rằng giáo dục phải tôn trọng bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo của IDPs¹⁵⁹

¹⁵¹ Để biết thêm thông tin, xem UNHCR, Hướng dẫn về Bảo vệ Quốc tế: Yêu cầu Tị nạn vì lý do Tôn giáo theo Điều 1 A(2) của Công ước 1951 và/hoặc Nghị định thư năm 1967 liên quan đến tình trạng của người tị nạn (2004) HCR/GIP/04/06

¹⁵² Xem Đại hội đồng Liên hợp quốc, Báo cáo Dự kiến của Báo cáo viên Đặc biệt về Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2008) A/63/161, đoạn. 6.

¹⁵³ Công ước liên quan đến tình trạng của người tị nạn 1951, điều 4.

¹⁵⁴ Công ước liên quan đến tình trạng của người tị nạn 1951, điều 33; HRCtee, vụ X kiện Đan Mạch (2014) mã số 2007/2010, ý kiến đồng tình của cá nhân Gerald L. Neuman; Xem thêm UNHCR, Hướng dẫn về Bảo vệ Quốc tế: Yêu cầu Tị nạn vì lý do Tôn giáo theo Điều 1 A(2) của Công ước 1951 và/hoặc Nghị định thư năm 1967 liên quan đến tình trạng của người tị nạn (2004) HCR/GIP/04/06, đoạn 4.

¹⁵⁵ Ủy ban Nhân quyền, Các Nguyên tắc Hướng dẫn về Di dời cư trú (1998) E/CN.4/1998/53/Add.2

¹⁵⁶ Như đã dẫn, Nguyên tắc 4.

¹⁵⁷ Như đã dẫn, Nguyên tắc 6 (2) (a).

¹⁵⁸ Như đã dẫn, Nguyên tắc 22 (1).

¹⁵⁹ Như đã dẫn, Nguyên tắc 23 (2).

2.5 Lao động nhập cư

Ngoài Điều 18 ICCPR, Điều 12 của Công ước Quốc tế về Bảo vệ Quyền của Tất cả Người lao động Di cư và các Thành viên trong Gia đình Họ ('ICMW') đặc biệt bảo vệ quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo của nhóm này. Điều 5 (d) của ICERD cũng quy định rằng các quốc gia thành viên có nghĩa vụ đảm bảo rằng tất cả mọi người đều được hưởng quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng, không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc sắc tộc hoặc dân tộc. Thông qua thủ tục rà soát của quốc gia thành viên, CERD cũng đã chỉ ra những hạn chế mà người lao động di cư và những người nước ngoài khác phải đối mặt đối với khả năng được bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng của họ, đề xuất các biện pháp thúc đẩy việc thấu hiểu lẫn nhau, khoan dung và đối thoại giữa các tôn giáo để chống lại chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và tăng cường đa dạng văn hóa.¹⁶⁰

Xâm phạm quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng của người di cư, người lao động di cư và gia đình của họ có thể bao gồm:

- Không được duy trì cơ sở thờ tự hoặc thực hiện các nghi thức tôn giáo bên ngoài nơi ở¹⁶¹
- Con cái của những người di cư phải đối mặt với tình trạng phân biệt đối xử và không khoan dung trong hệ thống giáo dục¹⁶²
- Rào cản đối với quyền tự do của cha mẹ trong việc đảm bảo giáo dục tôn giáo cho con cái họ¹⁶³

¹⁶⁰ Xem ví dụ: CERD, Các nhận xét kết luận về Maldives (2011) CERD/C/MDV/CO/5-12, đoạn 13.

¹⁶¹ Đại hội đồng Liên hợp quốc, Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2007) A/HRC/6/5, đoạn 36.

¹⁶² Ủy ban Nhân quyền Tài liệu Kết luận của Hội nghị Tư vấn Quốc tế về Giáo dục học đường liên quan đến Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng, Khoan dung và Phân biệt đối xử (2002) E/CN.4/2002/73, phụ lục

¹⁶³ Ủy ban Nhân quyền Tài liệu Kết luận của Hội nghị Tư vấn Quốc tế về Giáo dục học đường liên quan đến Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng, Khoan dung và Phân biệt đối xử (2002) E/CN.4/2002/73, phụ lục

2.6 Người bản địa

Ngoài các điều khoản liên quan của các Công ước về Nhân quyền của Liên hợp quốc, Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền của Người Bản địa ('UNDRIP') thừa nhận một cách rõ ràng các quyền tập thể của người bản địa bao gồm quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng. Điều 12 của UNDRIP quy định quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng bản địa, bao gồm các quyền “bày tỏ, thực hành, phát triển và truyền giảng các truyền thống, phong tục và nghi lễ tâm linh và tôn giáo của họ”, “duy trì, bảo vệ và được tiếp cận một cách kín đáo đối với các cơ sở tôn giáo và văn hóa”, “sử dụng và quản lý các vật dụng nghi lễ của họ”, và “hồi hương hài cốt”. Ngoài ra, Điều 11 của UNDRIP bảo vệ quyền thực hành, phục hồi và bày tỏ các truyền thống và phong tục văn hóa, bao gồm việc bảo vệ và phát triển các nghi lễ, di tích lịch sử và đồ tạo tác. Các điều khoản này buộc các quốc gia phải hành động thông qua các cơ chế hiệu quả được người bản địa đồng phát triển để bồi thường tài sản bị lấy mất mà không có sự đồng thuận trước, được đưa ra một cách tự nguyện, sau khi đã có đầy đủ thông tin ('FPIC') cũng như cho phép tiếp cận hoặc hồi hương các vật dụng nghi lễ và hài cốt.

Tuy nhiên, bất chấp việc các văn kiện quốc tế này quy định việc bảo vệ các quyền tập thể và cá nhân, nhiều người bản địa cũng phải đối mặt với những hạn chế hoặc những vi phạm đối với các quyền của họ, bao gồm quyền tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng, do không được các cơ quan chức năng công nhận là người bản địa.¹⁶⁴

Các vấn đề mà người bản địa phải đối mặt liên quan đến quyền tự do tôn giáo của họ có thể bao gồm:

- Thu giữ, phân bổ và sử dụng đất truyền thống hoặc các địa điểm linh thiêng của người bản địa mà không có FPIC của họ¹⁶⁵
- Tấn công người bản địa và gây sức ép khiến họ từ bỏ đức tin¹⁶⁶
- Những người khác tiếp nhận và sử dụng không đúng cách các vật dụng văn hóa bản địa, di tích con người và di sản văn hóa phi vật thể¹⁶⁷
- Cố ý xúc phạm hoặc phá hủy và không cho tiếp cận các vật dụng linh thiêng¹⁶⁸
- Không có các quy định pháp luật hoặc các biện pháp được thông qua để ngăn chặn sự can thiệp vào các nghi lễ, tập quán và nghi lễ bản địa, bao gồm cả việc tuân thủ các ngày lễ hoặc những ngày nghỉ của tôn giáo¹⁶⁹
- Thiếu khả năng tiếp cận công lý mà thông qua đó các quyền của họ bao gồm tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng có thể được khẳng định, bao gồm cả những trở ngại mà họ phải đối mặt trong toàn bộ hệ thống tư pháp nói chung và trong việc thiếu sự công nhận về tập quán pháp và quyền tài phán bản địa¹⁷⁰

¹⁶⁴ Xem ví dụ: HRCttee, Nhận xét Kết luận về Bangladesh (2017) CCPR/C/BGD/CO/1, đoạn 11; Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, đoạn 55.

¹⁶⁵ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, đoạn 55; Xem thêm HRCttee, vụ Ilmari Lansman và những người khác kiện Phần Lan (1994) mã số 511/1992; vụ Aarela kiện Phần Lan (2001) mã số 779/1997.

¹⁶⁶ Xem ví dụ HRCttee, Nhận xét Kết luận về Việt Nam (2019) CCPR/C/VNM/CO/3, đoạn. 43.

¹⁶⁷ Xem Đại hội đồng Liên hợp quốc, Hồi hương các vật dụng nghi lễ, di cốt và di sản văn hóa phi vật thể theo Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền của Người bản địa (2020) A/HRC/45/35, đoạn 14.

¹⁶⁸ Xem Ủy ban Nhân quyền, Nghiên cứu Vấn đề Phân biệt Đối xử đối với Người dân Bản địa (1982) E/CN.4/Sub.2/ 1982/2/Add.7, các đoạn 240-257.

¹⁶⁹ Xem Ủy ban Nhân quyền, Nghiên cứu Vấn đề Phân biệt Đối xử đối với Người dân Bản địa (1982) E/CN.4/Sub.2/ 1982/2/Add.7, các đoạn 127-158.

¹⁷⁰ Đại hội đồng Liên hợp quốc, Quyền của Người bản địa (2017) A/RES/72/186, các đoạn 57-61; Xem thêm Đại hội đồng Liên hợp quốc, Tham vấn khu vực về quyền của người bản địa ở Châu Á (2020) A/HRC/45/34/Add.3, các đoạn 9-10.

Tài liệu tham khảo

ĐỌC THÊM

- C Evans, 'Giáo dục Tôn giáo trong các Trường Công: Quan điểm Luật Nhân quyền Quốc tế' (2008) 8 Đánh giá Luật Nhân quyền 449
- H Bielefeldt, M Wiener và N Ghana-Hercock, Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng: Bình luận Luật Quốc tế (OUP 2017)
- Ủy ban Luật gia Quốc tế, 'Những thách thức đối với Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng ở Myanmar' (2019)
- Ủy ban Luật gia Quốc tế, 'Các vi phạm đối với Quyền Tự do Tôn giáo Tín ngưỡng ở Pakistan (2021)
- J Hohmann & M Weller, Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền của các Dân tộc Bản địa: Bình luận (OUP 2018)
- M Nowak và T Vospernik, 'Những Hạn chế Được cho phép đối với Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng' trong Liên minh Oslo về Tự do Tôn giáo và Tín ngưỡng (eds.), Tạo điều kiện cho Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng: Sách tham khảo (2004, Springer)
- N Ghana, 'Người thiểu số và Nỗi thù hận: Sự bảo vệ và Những hệ quả' (2010) 17 Tạp chí Quốc tế về Quyền của Người thiểu số và Nhóm dân tộc 423
- N Ghana, T Lindholm, C Durham & B Tahzib-Lie, 'Giới thiệu' trong Liên minh Oslo về Tự do Tôn giáo và Tín ngưỡng (eds.), Tạo điều kiện cho Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng: Sách tham khảo (2004, Springer)
- OHCHR, 'Từ chối thực hiện nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm' (2012) (HR/PUB/12/1)
- Ban cố vấn OSCE/ODIHR gồm các chuyên gia về tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng, 'Hướng dẫn Rà soát Quy định pháp luật liên quan đến tôn giáo hoặc tín ngưỡng', Phiên họp toàn thể lần thứ 59 của Ủy ban Venice (Venice, ngày 18-19 tháng 6 năm 2004)
- Đối tác của Liên hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật & UN-WOMEN, 'Bộ công cụ và Hướng dẫn về Nguồn lực Liên tầng' (2022)
- UNHCR, Hướng dẫn về Bảo vệ Quốc tế: Yêu cầu Tị nạn vì lý do Tôn giáo theo Điều 1 A(2) của Công ước 1951 và/hoặc Nghị định thư năm 1967 liên quan đến tình trạng của người tị nạn (2004) HCR/GIP/04/06
- Y Ben Achour, 'Câu hỏi của Hồi giáo đối với Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc' (Ed. Jovene, Napoli 2021)
- Y Ben Achour, 'La question islamique devant le Comité des droits de l'Homme des Nations Unies' (Pedone, Paris 2022)
- Y Shany, 'Con đường đã chọn: ICCPR và những Hạn chế Phân biệt Đối xử đối với Tự do tôn giáo' (2021) 34 Tạp chí Nhân quyền Harvard 305

Phán lệ của HRCttee

- Vụ Aarela kiện Phần Lan (2001) mã số 779/1997*
- Vụ Erkki Hartikainen và những người khác kiện Phần Lan (1981) mã số 40/1978*
- Vụ FA kiện Pháp (2015) mã số 2662/2015*
- Vụ Ilmari Lansman và những người khác kiện Phần Lan (1994) mã số 511/1992*
- Vụ Jong- nam Kim và những người khác kiện Hàn Quốc (2013) mã số 1786/2008*
- Vụ Kang kiện Hàn Quốc (2003) mã số 878/1999*
- Vụ Min-kyu Jeong và những người khác kiện Hàn Quốc (2011) mã số 1642-1741 / 2007*
- Vụ Turkan kiện Thổ Nhĩ Kỳ (2013) mã số 2274/2013*
- Vụ Westerman kiện Hà Lan (1997) mã số 682/1996*
- Vụ X kiện Đan Mạch (2014) mã số 2007/2010*
- Vụ Yaker kiện Pháp (2016) mã số 2747/2016*
- Vụ Yoon và những người khác kiện Hàn Quốc (2006) mã số 1321/2004*

BÌNH LUẬN CHUNG

HRCttee, Bình luận chung số 18 về Không phân biệt đối xử (HRI/GEN/1/Rev.9/Vol. I)

HRCttee, Bình luận chung số 22 về Tự do Tư tưởng, Lương tâm hoặc Tôn giáo (CCPR/C/21/Rev.1/Add.4)

HRCttee, Bình luận chung số 23 về Quyền của Người thiểu số (CCPR/C/21/Rev.1/Add.5)

HRCttee, Bình luận chung số 28 về Bình đẳng về Quyền giữa Nam giới và Phụ nữ (CCPR/C/21/Rev.1/Add.10)

HRCttee, Bình luận chung số 31 về Bản chất của Nghĩa vụ Pháp lý Chung được áp dụng đối với các Quốc gia thành viên (CCPR/C/21/Rev.1/Add.13)

HR Cttee, Bình luận chung số 34 về Quyền tự do Quan điểm và Biểu đạt (CCPR/C/GC/34)

CEDAW (Ủy ban) và CRC (Ủy ban), Khuyến nghị chung số 31 về các Thực hành gây tổn hại (C/GC/31/Rev.1/C/GC/18/Rev.1)

CESC (Ủy ban), Bình luận chung số 20 về Không phân biệt đối xử (E/C.12/GC/20)

CÁC NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG Liên hợp quốc THÔNG QUA

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Tuyên bố Xóa bỏ Mọi hình thức Không khoan dung và Phân biệt Đối xử Dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (1981) A/RES/36/55

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Tuyên bố về Quyền của các Cá nhân thuộc Dân tộc hoặc Sắc tộc, Tôn giáo và Ngôn ngữ Thiểu số (1992) A/RES/47/135

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Quyền của Người bản địa (2017) A/RES/72/186

CÁC BÁO CÁO VỀ TỰ DO TÔN GIÁO hoặc TÍN NGƯỠNG CỦA BÁO CÁO VIÊN ĐẶC BIỆT

Ủy ban Nhân quyền, Thực hiện Tuyên bố về Xóa bỏ Mọi Hình thức Không khoan dung và Phân biệt Đối xử Dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng: Báo cáo do Angelo Vidal d'Almeida Ribero đệ trình (1986) E/CN.4/1987/35

Ủy ban Nhân quyền, Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng Asma Jahangir: Các Quyền Dân sự và Chính trị, Bao gồm Vấn đề về Tình trạng Không khoan dung Tôn giáo (2006) E/CN.4/2006/5/Add.4

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2006) A/61/340

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Báo cáo của Báo cáo viên Đặc biệt về Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2007) A/HRC/6/5

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Báo cáo Dự kiến của Báo cáo viên Đặc biệt về Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2008) A/63/161

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Báo cáo Dự kiến của Báo cáo viên Đặc biệt về Tự do Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2012) A/67/303

CÁC TUYÊN BỐ VÀ NGUYÊN TẮC

Ủy ban Nhân quyền, Các nguyên tắc Siracusa về các điều khoản giới hạn và gây tổn hại đến các quyền trong Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (1984) E/CN.4/1985/4

Ủy ban Nhân quyền, Các Nguyên tắc Hướng dẫn về Di dời cư trú (1998) E/CN.4/1998/53/Add.2

Ủy ban nhân quyền, Xóa bỏ Mọi hình thức Không khoan dung và Phân biệt đối xử Dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2005) E/CN.4/RES/2005/40

Hội đồng Nhân quyền, Xóa bỏ Mọi Hình thức Không khoan dung và Phân biệt Đối xử Dựa trên Tôn giáo hoặc Tín ngưỡng (2007) HRC/RES/6/37

CÁC BÁO CÁO TỚI HỘI ĐỒNG NHÂN QUYỀN

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Hồi hương các vật dụng nghi lễ, di cốt và di sản văn hóa phi vật thể theo Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền của Người bản địa (2020) A/HRC/45/35

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Tham vấn Khu vực về Quyền của Người bản địa ở Châu Á (2020) A/HRC/45/34/Add.3

Đại hội đồng Liên hợp quốc, Kế hoạch Hành động Rabat (2013) A/HRC/22/17/Add.4

Phụ lục:
danh sách bảo lưu đối với Điều 18 ICCPR

Bảo lưu	Các phản đối và thực hành lưu chiếu	Các quốc gia thành viên phản đối		
Sau khi phê chuẩn vào ngày 23 tháng 6 năm 2010, “Cộng hòa Hồi giáo Pakistan [đã] tuyên bố rằng các quy định tại các Điều 3, 6, 7, 18 và 19 sẽ được áp dụng trong phạm vi không vi phạm các Điều khoản trong Hiến pháp Pakistan và luật Sharia”	25 quốc gia phản đối, các quốc gia cho rằng bảo lưu có phạm vi chung chung và không xác định, không phù hợp với mục tiêu và mục đích của ICCPR. Vào ngày 20 tháng 9 năm 2011, Pakistan thông báo với Tổng thư ký rằng họ đã quyết định rút lại các bảo lưu.	Úc Áo Bi Canada Cộng hòa Séc Đan mạch Estonia Phần Lan Pháp Đức Hy Lạp	Hungary Ai-len Ý Latvia Na Uy Ba Lan Bồ Đào Nha Xlô-va-ki-a Tây ban nha Thụy Điển Thụy sĩ	Vương Quốc Anh Hoa Kỳ Uruguay

Bảo lưu	Các phản đối và thực hành lưu chiếu		Các quốc gia thành viên phản đối	
Sau khi gia nhập vào ngày 20 tháng 9 năm 2006, Bahrain đã đệ trình bảo lưu “giải thích các điều khoản của Điều 3, 18 và 23 mà hoàn toàn không ảnh hưởng tới các quy định trong luật Hồi giáo Shariah”.	Để phù hợp với các thực hành lưu chiếu, Tổng thư ký đã không chấp nhận bảo lưu do những phản đối từ 15 quốc gia. Các quốc gia này cho rằng các bảo lưu được đưa ra quá muộn, không phù hợp với mục tiêu và mục đích của ICCPR, bảo lưu cũng không nêu rõ mức độ ràng buộc đối với các nghĩa vụ của chính quốc gia với	ICCPR và góp phần làm suy yếu cơ sở của luật pháp quốc tế. Ai-len lưu ý rằng bảo lưu “bao gồm tham chiếu chung đến luật tôn giáo có thể làm dấy lên những nghi vấn về cam kết của Quốc gia bảo lưu trong việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Công ước”. Mexico cho rằng bảo lưu “sẽ có kết quả không thể tránh khỏi là việc thực hiện các điều khoản được đề	cập tuân theo các quy định của luật Hồi giáo Shariah, điều này có thể cấu thành tình trạng phân biệt đối xử trong việc thụ hưởng và thực hiện các quyền”.	Châu Úc Canada Cộng hòa Séc Estonia Hungary Ai-len Ý Latvia Mexico Hà Lan Ba Lan Bồ Đào Nha Xlô-va-ki-a Thụy Điển Vương Quốc Anh

Bảo lưu	Các phản đối và thực hành lưu chiếu	Các quốc gia thành viên phản đối	
Khi phê chuẩn ICCPR vào ngày 25 tháng 9 năm 2009, Lào tuyên bố rằng “Điều 18 của Công ước sẽ không được giải thích theo cách là cho phép hoặc khuyến khích bất kỳ hoạt động nào, kể cả các hoạt động kinh tế, bởi bất kỳ ai một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, một cách ép buộc hoặc thúc ép một cá nhân tin	hoặc không tin một tôn giáo hoặc cải đạo”.	Thụy Điển phản đối tuyên bố, cho rằng tuyên bảo lưu đã điều chỉnh lực pháp lý của các điều khoản, do đó cấu thành một bảo lưu mà Thụy Điển coi là vô hiệu.	Thụy Điển

Maldives

Bảo lưu	Các phản đối và thực hành lưu chiếu	Các quốc gia thành viên phản đối	
Maldives đã gia nhập ICCPR vào ngày 19 tháng 9 năm 2006, cùng tuyên bố bảo lưu nêu rằng “việc áp dụng các nguyên tắc được quy định trong Điều 18 không mâu thuẫn với Hiến pháp”.	18 quốc gia phản đối bảo lưu này, cho rằng bảo lưu quá chung chung, không xác định rõ mức độ ràng buộc nghĩa vụ của Maldives đối với Điều 18 và có khả năng vô hiệu hóa điều khoản.	Úc Áo Canada Cộng hòa Séc Estonia Phần Lan Pháp Đức Hungary Ai-len	Ý Latvia Hà Lan Bồ Đào Nha Xlô-va-ki-a Tây Ban Nha Thụy Điển Vương Quốc Anh

Mauritania

Bảo lưu	Các phản đối và thực hành lưu chiếu	Các quốc gia thành viên phản đối	
Khi gia nhập Công ước vào ngày 17 tháng 11 năm 2004, “trong khi chấp nhận các quy định nêu trong Điều 18 liên quan đến tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo, quốc gia [đã] tuyên bố rằng việc áp dụng Điều 18 không mâu thuẫn với luật Hồi giáo Shariah”.	10 quốc gia phản đối, chỉ trích phạm vi bảo lưu chung chung và không xác định, điều này có khả năng vô hiệu hóa bất kỳ hiệu lực nào của điều khoản và trái với mục tiêu và mục đích của Công ước.	Phần Lan Pháp Đức Hy Lạp Latvia Hà Lan Ba Lan Bồ Đào Nha Thụy Điển Vương Quốc Anh	

Qatar

Bảo lưu	Các phản đối và thực hành lưu chiếu	Các quốc gia thành viên phản đối	
Khi gia nhập Công ước vào ngày 21 tháng 5 năm 2018, Qatar đã tuyên bố rằng họ “giải thích Điều 18 (2) của Công ước dựa trên cách hiểu nó không mâu thuẫn với luật Hồi giáo Sharia. Nhà nước Qatar bảo lưu quyền áp dụng điều khoản này theo cách hiểu như vậy”.	21 quốc gia phản đối, bác bỏ cách diễn đạt mơ hồ và chung chung của bảo lưu, nhấn mạnh đặc điểm trọng yếu của Điều 18 ICCPR, đặt ra nghi vấn về tính cam kết của Qatar đối với ICCPR và viện dẫn Điều 27 ICCPR, yêu cầu các quốc gia phải điều chỉnh luật quốc gia cho phù hợp với các điều khoản của ICCPR.	Áo Bi Canada Cộng hòa Séc Estonia Phần Lan Đức Hy Lạp Hungary Ai-len Ý	Latvia Moldova Hà Lan Na Uy Ba Lan Bồ Đào Nha Moldova Romania Thụy Sĩ Vương Quốc Anh



Centre for Civil and Political Rights
(CCPR Centre)
Rue de Varembé 1
CH-1202 Geneva Switzerland
PO Box 183 CH-1211
Geneva Switzerland

Tel : +41(0)22 / 33 22 555
Email : info@ccprcentre.org
Web : www.ccprcentre.org

